

BÀI BÁO KHOA HỌC VÀ LỰA CHỌN TẠP CHÍ CHO CÔNG BỐ

Prof. Chu Hoang Mau Ph.D.

TNU University of Education

E-mail.: chuhoangmau@tnue.edu.vn

Orcid: <https://orcid.org/0000-0002-8260-6369>



Báo cáo được trình bày trước nghiên cứu sinh và học viên cao học của trường Đại học Sư phạm-Đại học Thái Nguyên, ngày 30 tháng 8 năm 2023



CẦN NHỮNG GÌ?

1. Nền tảng kiến thức về nghiên cứu khoa học

2. Kết quả nghiên cứu và dữ liệu khoa học (sản phẩm)

3. Tài liệu liên quan, trong 5-10 năm): Bài báo, dữ liệu... và năng lực phân tích

4. Kỹ năng viết

5. Kinh nghiệm (thời gian, trải nghiệm,)

CHU TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC



SẢN PHẨM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

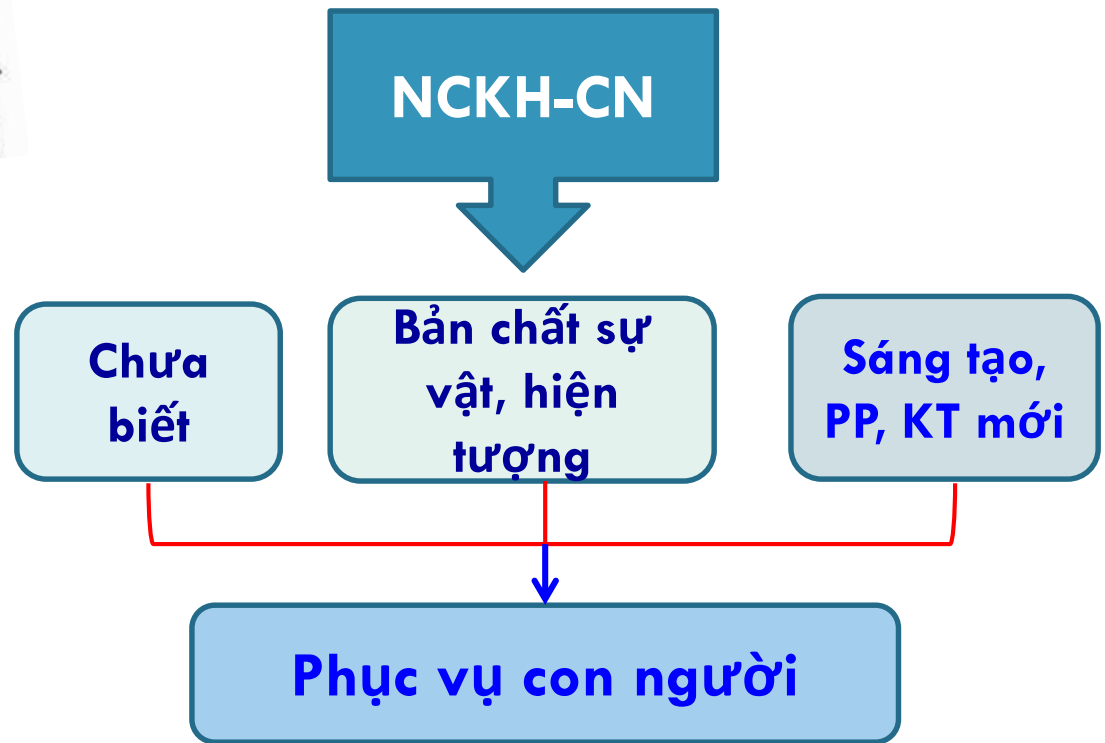
Kết quả thực hiện một nghiên cứu được xác định bằng các sản phẩm cụ thể.

Sản phẩm nghiên cứu gồm:

- 1) SP khoa học: các công trình khoa học
- 2) SP đào tạo: Cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ
- 3) SP ứng dụng: Bằng sáng chế, Giải pháp hữu ích, quy trình, vật liệu, giống vật nuôi, cây trồng...

Các sản phẩm KH-CN là một tiêu chí mạnh để đánh giá đóng góp cho cộng đồng của cá nhân người làm nghiên cứu.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

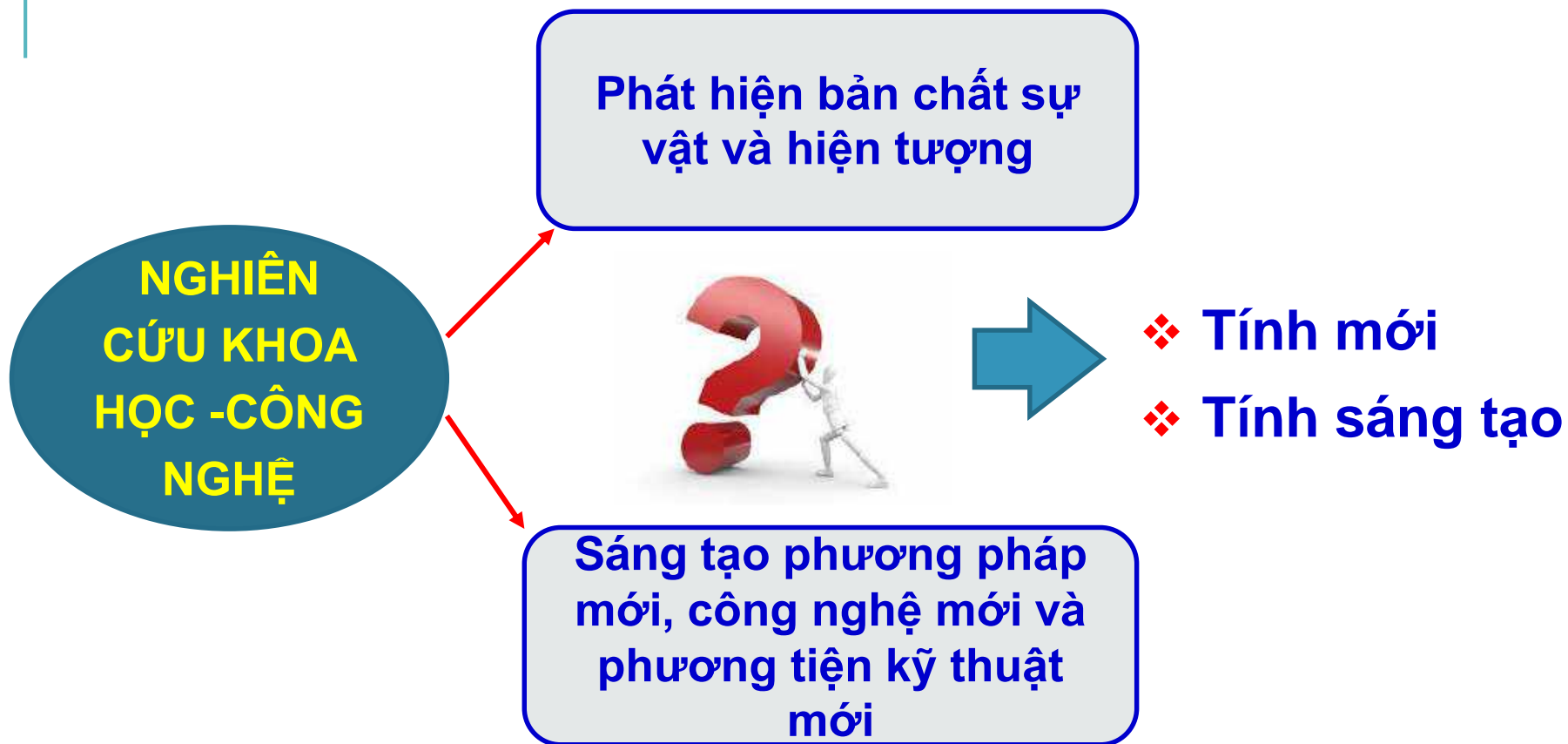


MỘT SỐ THUẬT NGỮ



- Nghiên cứu khoa học
 - Phát minh, phát hiện, sáng chế
 - Đề tài/Dự án khoa học và đề tài/dự án kỹ thuật
-

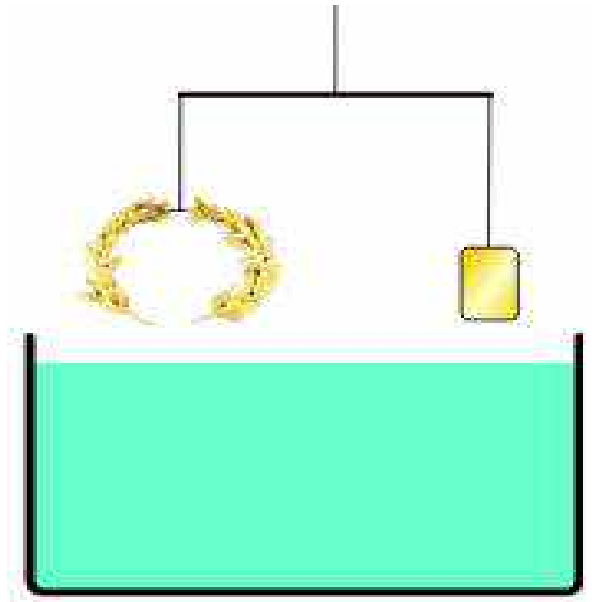
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC



PHÁT MINH

➔ Sự khám phá: *Quy luật, tính chất, hiện tượng* của *thế giới vật chất* tồn tại một cách khách quan mà trước đó **chưa ai biết.**

- ➔ **KHÔNG** có giá trị thương mại;
- ➔ **KHÔNG** cấp bằng phát minh;
- ➔ **KHÔNG** được bảo hộ pháp lý.



Archimedes có thể đã sử dụng nguyên lý sức nổi này để xác định liệu chiếc vương miện có mật độ nhỏ hơn vàng đặc không

PHÁT HIỆN

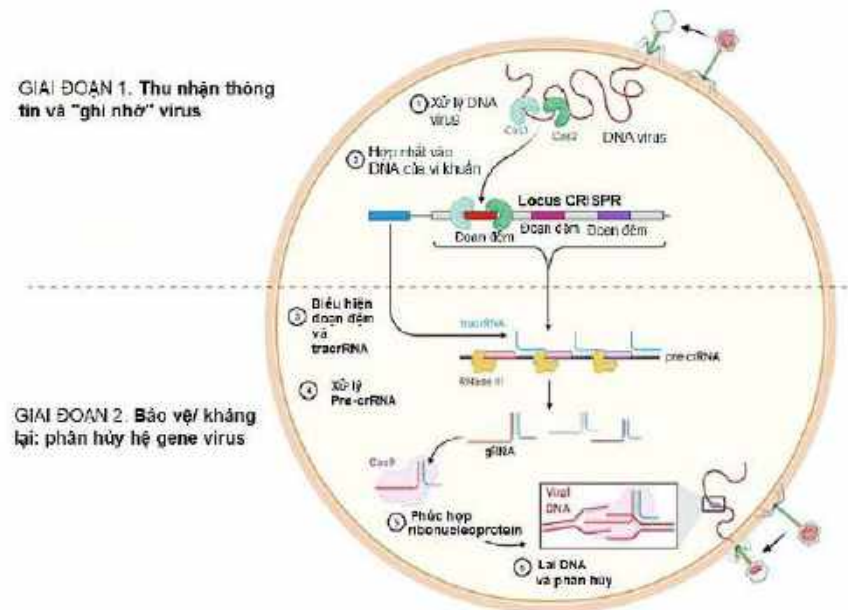
➔ Khám phá: những *vật thể*, những *quy luật* đang tồn tại một cách khách quan

- ➔ **KHÔNG** có giá trị thương mại;
- ➔ **KHÔNG** cấp bằng phát hiện;
- ➔ **KHÔNG** được bảo hộ pháp lý.

➤ Phát hiện hành tinh ngoài hệ Mặt trời giống Trái Đất



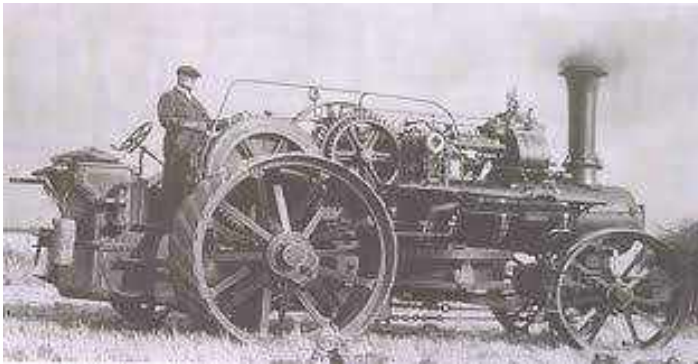
➤ Phát hiện hệ thống **CRISPR-Cas9** của vi khuẩn hoạt động như một phản ứng miễn dịch thích ứng chống lại virus xâm nhập vào tế bào



SÁNG CHẾ

- ➔ Một *giải pháp kỹ thuật mới* về nguyên lý kỹ thuật, tính sáng tạo và áp dụng được
 - ➔ Có ý nghĩa thương mại;
 - ➔ Được cấp bằng sáng chế độc quyền (patent),
 - ➔ Có thể mua bán bằng sáng chế;
 - ➔ Cấp giấy phép sử dụng (licence)
 - ➔ Được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp .

Ở Việt Nam: Bằng độc quyền sáng chế (patent) và Giải pháp hữu ích



➔ VD: Máy hơi nước, Máy nhân gen



PHÂN BIỆT ĐỀ TÀI/DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ ĐỀ TÀI/DỰ ÁN KỸ THUẬT

ĐỀ TÀI/DỰ ÁN KHOA HỌC

(Science Project)



ĐỀ TÀI/DỰ ÁN KỸ THUẬT

Engineering Project



PHÁT MINH

SÁNG CHẾ

PHÁT HIỆN

Phân loại nghiên cứu khoa học



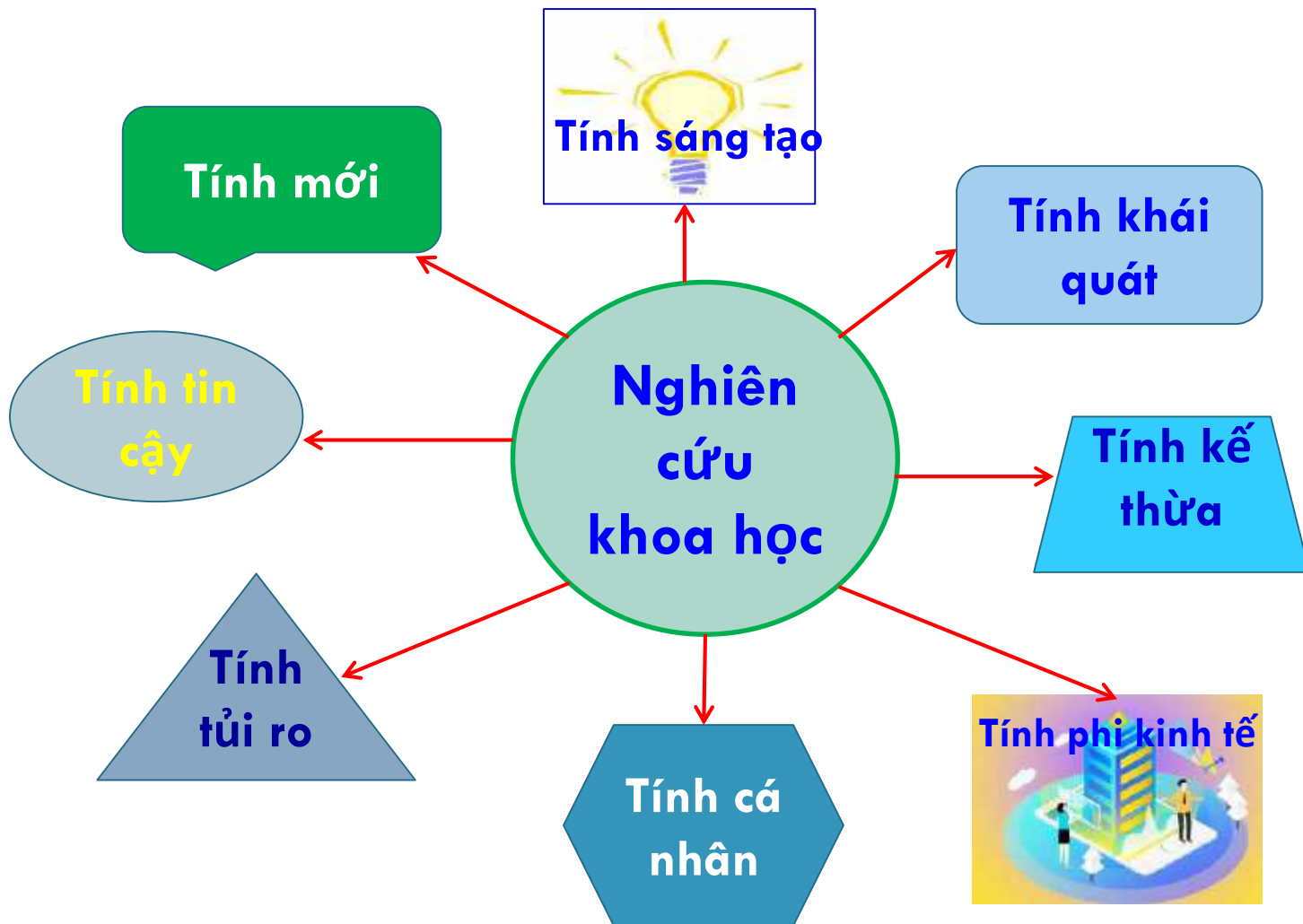
Theo các giai đoạn nghiên cứu

- ❖ Nghiên cứu cơ bản (fundamental research, basic research)
- ❖ Nghiên cứu ứng dụng (applied research)
- ❖ Nghiên cứu triển khai (experimental development)

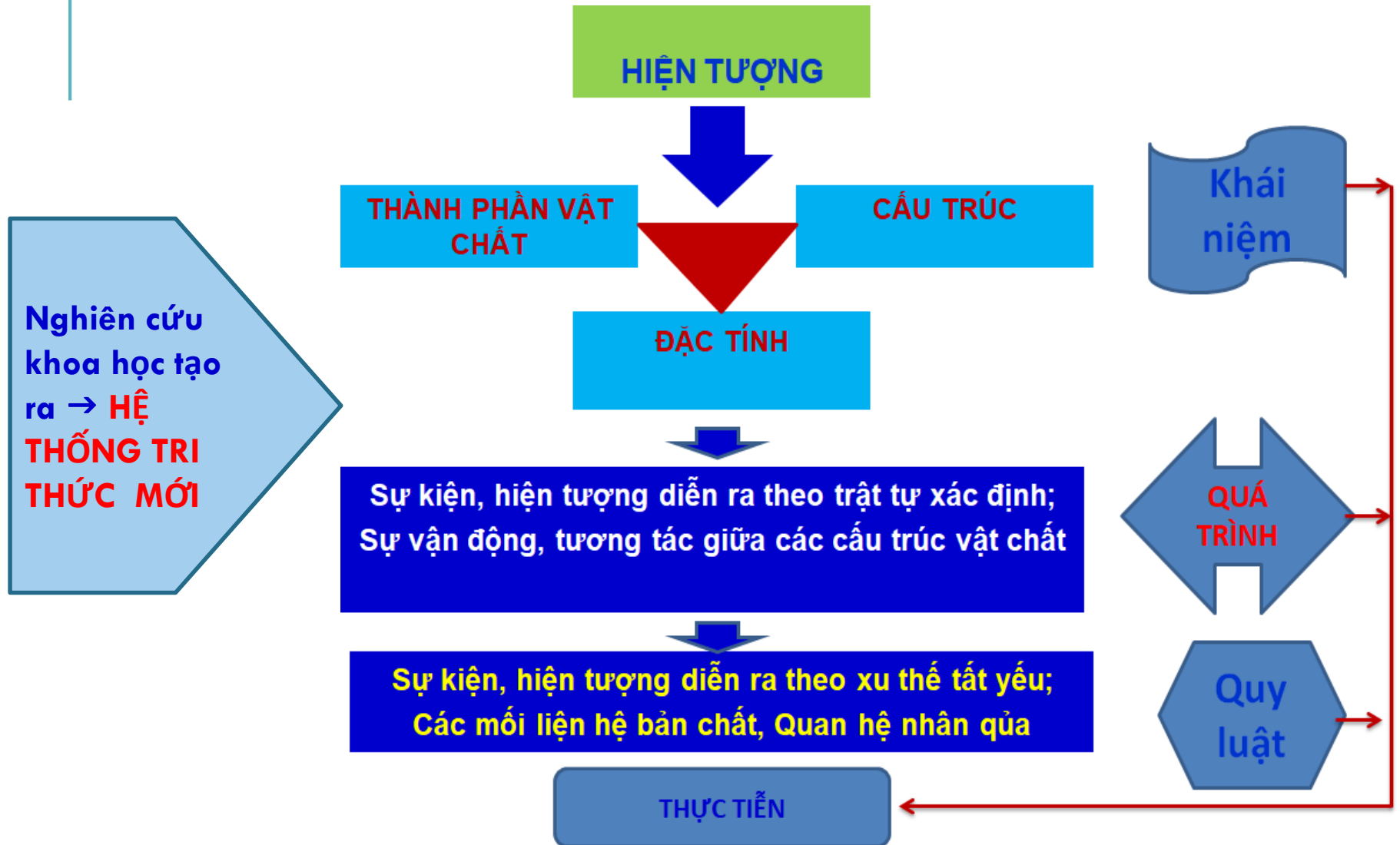
Theo chức năng nghiên cứu

- ❑ Nghiên cứu mô tả
- ❑ Nghiên cứu giải thích
- ❑ Nghiên cứu giải pháp
- ❑ Nghiên cứu dự báo

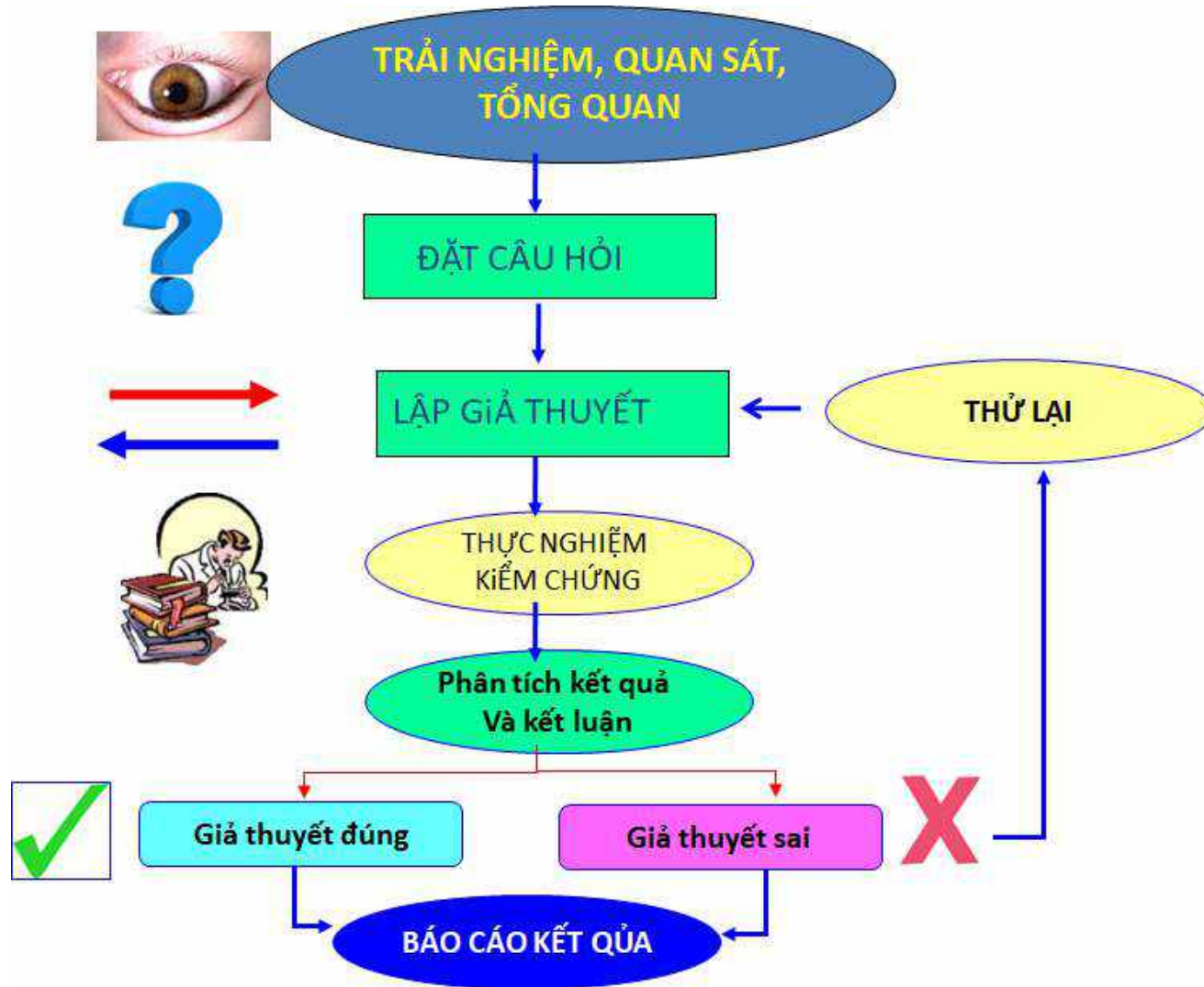
ĐẶC ĐIỂM CỦA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC



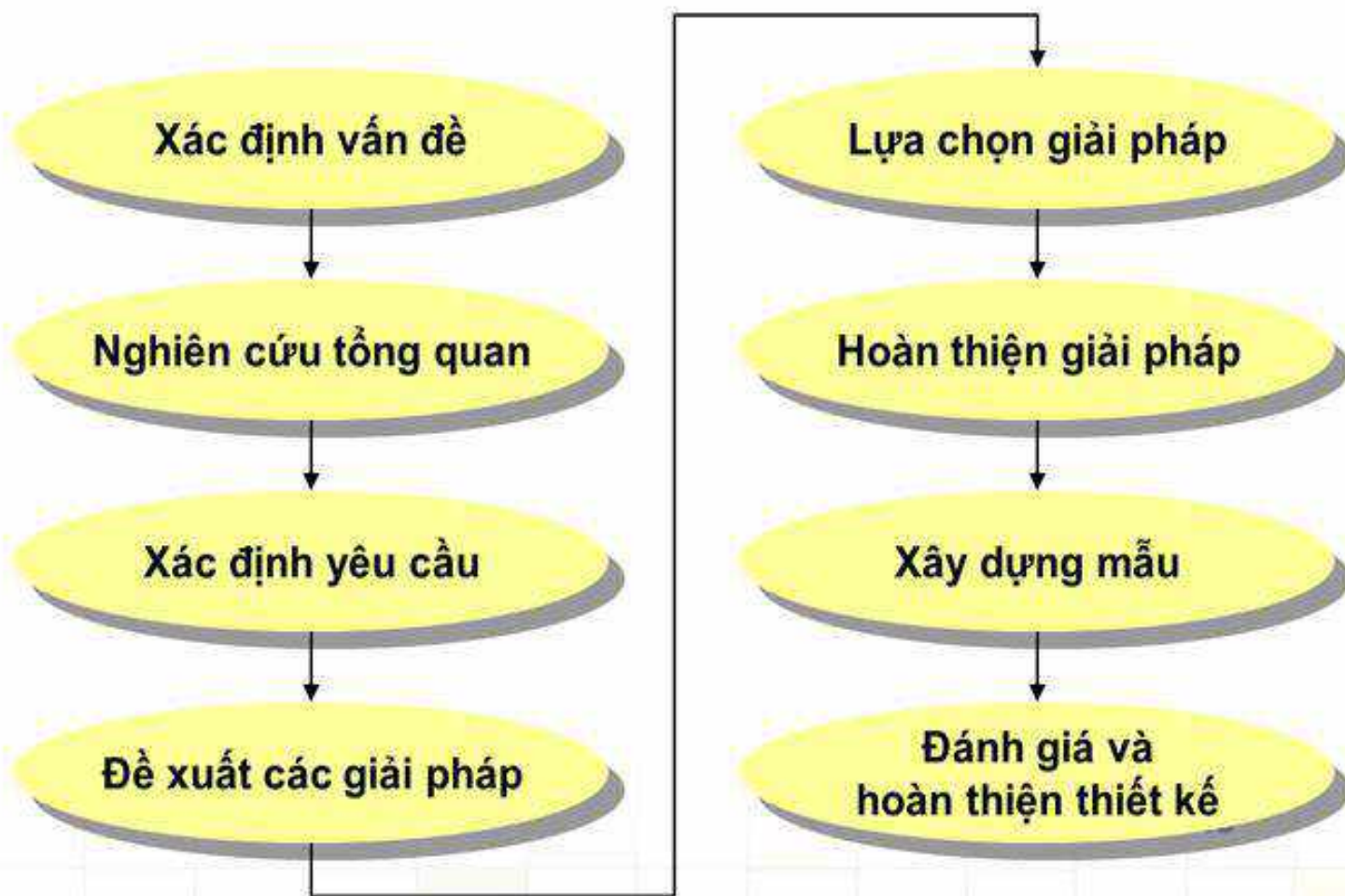
MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ XÁC ĐỊNH MỘT ĐỀ TÀI/DỰ ÁN NCKHCN



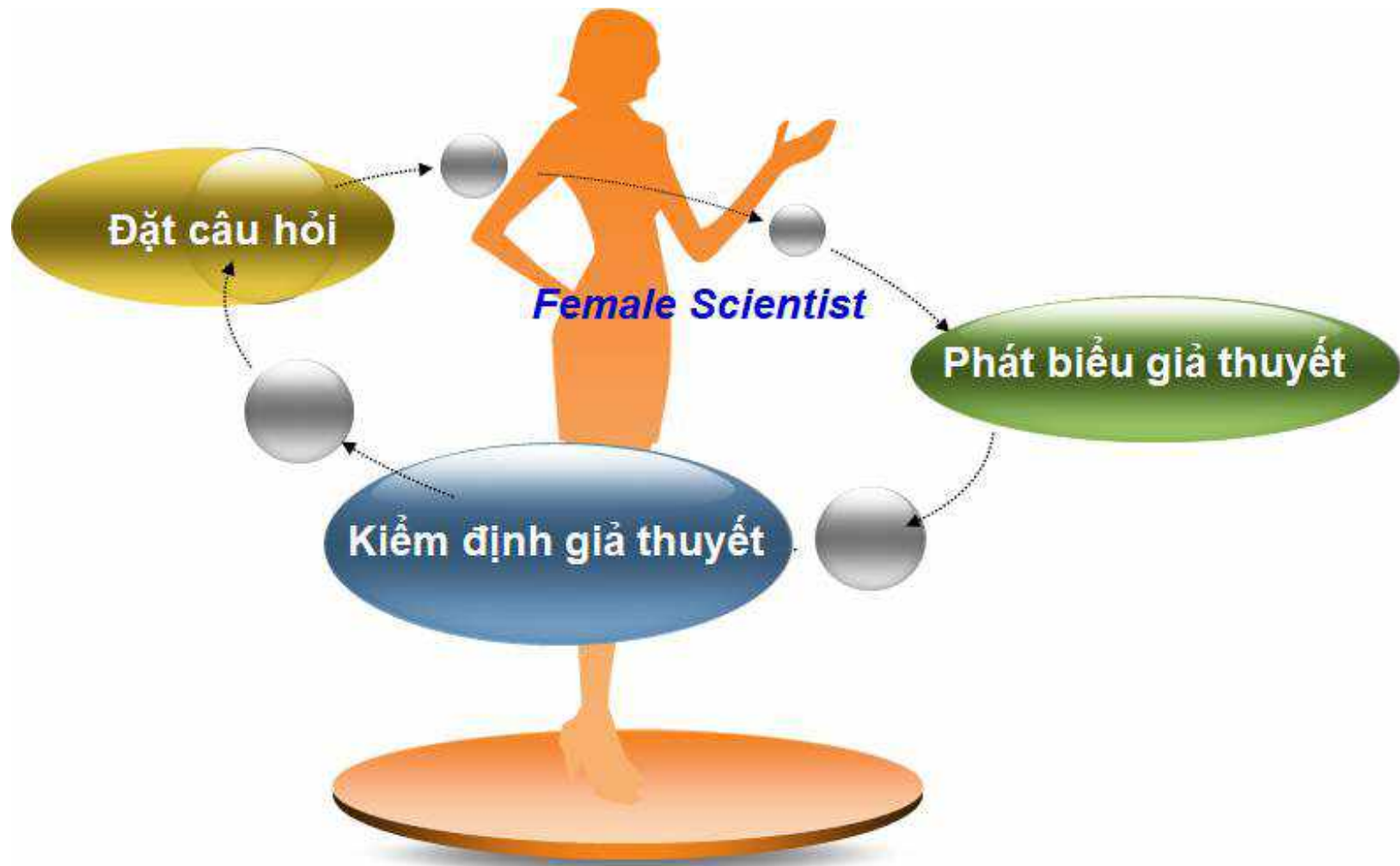
QUY TRÌNH THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KHOA HỌC



QUY TRÌNH THỰC HIỆN NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ



CÁCH NGHĨ CỦA NHÀ KHOA HỌC



TRẢI NGHIỆM

Quan sát và hoạt động thực tiễn

Đọc và tổng quan các tài liệu khoa học

Thảo luận chủ đề quan tâm



Xuất phát từ quan sát thông qua trải nghiệm thực tiễn, từ tổng kết tài liệu, **xác định vấn đề nghiên cứu mang tính thời sự, tính mới.**

TRẢI NGHIỆM — ĐỀ TÀI KHOA HỌC

- ▶ Lựa chọn chủ đề
- ▶ Trao đổi về chủ đề
- ▶ Thu hẹp chủ đề
- ▶ **Đặt câu hỏi nghiên cứu**
- ▶ Đánh giá và chỉnh sửa câu hỏi NC
- ▶ **Nêu giả thuyết khoa học**
- ▶ Đánh giá và chỉnh sửa GTKH

TRẢI NGHIỆM — DỰ ÁN KỸ THUẬT

- ➡ Xác định vấn đề, nhu cầu (thực tiễn)
- ➡ Trao đổi về vấn đề, nhu cầu
- ➡ Xây dựng mục tiêu nghiên cứu
- ➡ Đánh giá và hoàn thiện mục tiêu
- ➡ Hình thành tiêu chí, yêu cầu của SP
- ➡ Đánh giá và chỉnh sửa tiêu chí, yêu cầu của SP

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU



- ➔ Trong ba loại Thanh long, loại nào được ưa chuộng hơn?
- ➔ Trong ba loại Thanh long, loại nào tốt cho sức khỏe hơn?
- ➔ Sự khác biệt về dinh dưỡng giữa ba loại Thanh long ở điểm nào?

ĐẶT CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

Hình ảnh chỉ là ví dụ minh họa

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU – YÊU CẦU

FINER

➡ Feasible – Khả thi

➡ Interesting – Thú vị

➡ Novel – Mới

➡ Ethical – Đạo đức

➡ Relevant – Liên quan

CÁC LOẠI CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

➔ Existence – Sự tồn tại

➔ *Trẻ sơ sinh có nhận biết được màu không?*

➔ Description, Classification – Miêu tả, Phân loại

➔ *Đặc điểm của sự chú ý là gì?*

➔ Composition – Thành phần

➔ *Những yếu tố nào tạo nên chỉ số IQ?*

➔ Relationship – Mối liên hệ

➔ *Sự tập trung chú ý có ảnh hưởng tới chỉ số IQ không?*

CÁC LOẠI CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

➡ Descriptive-Comparative – *Mô tả-So sánh*

➡ *Trí nhớ của người trẻ tuổi có tốt hơn trí nhớ của người già?*

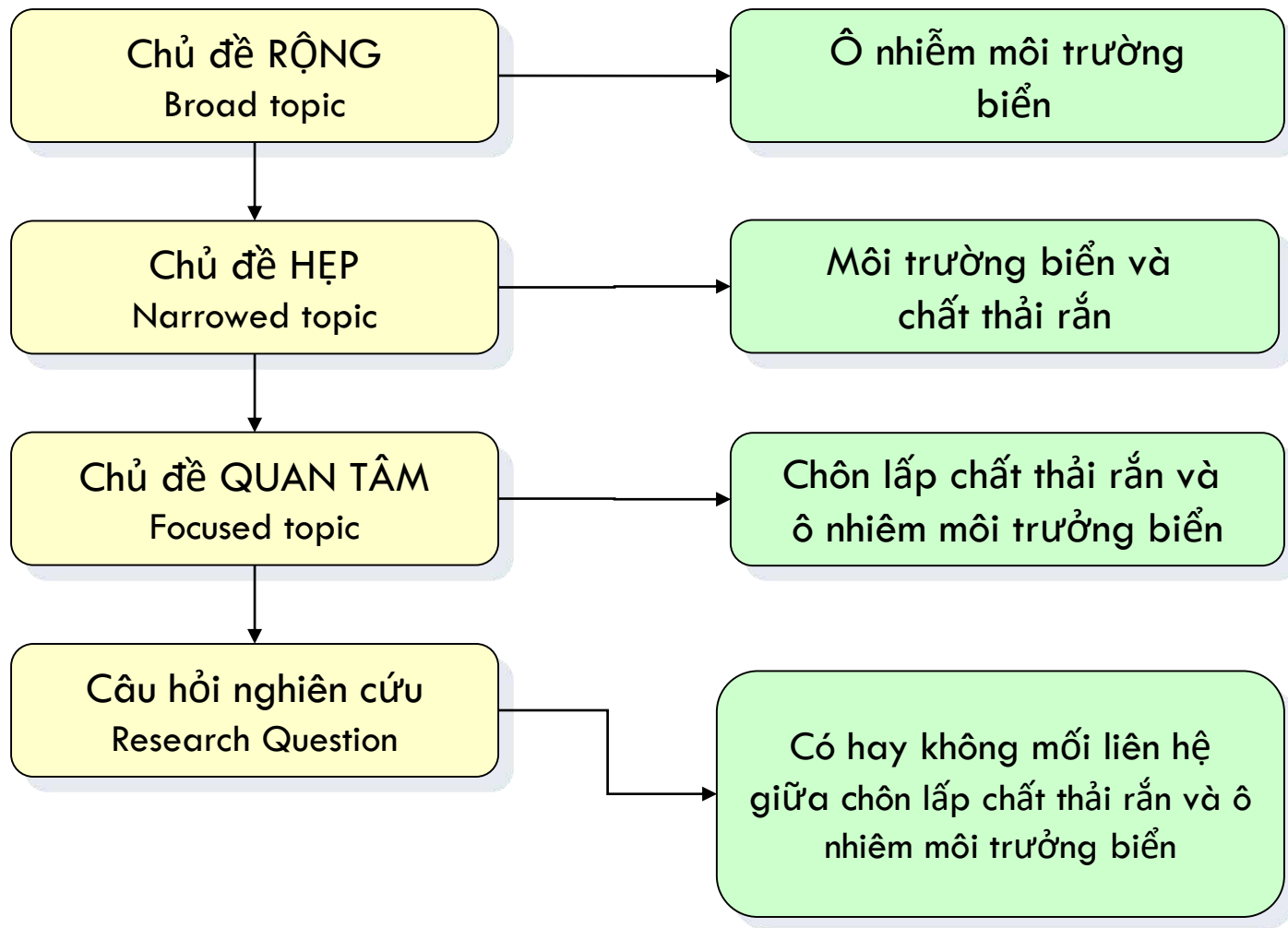
➡ Causality – *Quan hệ nhân quả (QHNQ)*

➡ *Luyện tập có dẫn tới kỹ năng hay không?*

➡ Causality-Comparative – *QHNQ-So sánh*

➡ *Tập aerobic có tốt hơn luyện tập giải quyết vấn đề trong việc nâng cao khả năng nhận thức của người cao tuổi?*

HÌNH THÀNH CÂU HỎI





GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU VÀ KIỂM CHỨNG GIẢ THUYẾT

KHÁI NIỆM

Giả thuyết nghiên cứu là những nhận định sơ bộ, **suy đoán khoa học**, kết luận giả định về bản chất sự vật, sự việc của người nghiên cứu đưa ra để trả lời cho câu hỏi nghiên cứu, để chứng minh giả thuyết đó hoặc bác bỏ (Vũ Cao Đàm, 2018).

VAI TRÒ

1) Khởi điểm của mọi nghiên cứu khoa học.

Bất cứ nghiên cứu nào cũng cần đặt ra các giả thuyết. Giả thuyết nghiên cứu có thể đúng hoặc sai. Người nghiên cứu đề ra giả thuyết nghiên cứu nhằm định hướng nghiên cứu và kế hoạch thực hiện nghiên cứu khoa học.

Từ giả thuyết nghiên cứu, người NC tiến hành nghiên cứu, phân tích kết quả và tìm ra câu trả lời, có thể tiến hành chứng minh hoặc bác bỏ.

2) Định hướng nghiên cứu khoa học

Việc đặt ra các loại giả thuyết giúp người NC triển khai các ý tưởng nghiên cứu trong khi đó việc bác bỏ hay chứng minh giả thuyết là phần nội dung chính cần thực hiện trong nghiên cứu khoa học.

3) Tiền đề thực hiện các nghiên cứu khoa học

Là cơ sở để xây dựng kế hoạch nghiên cứu.

4) Cơ sở phát triển nghiên cứu khoa học

Không xác định hay xác định sai giả thuyết nghiên cứu sẽ khiến cho quá trình nghiên cứu bế tắc, đi vào ngõ cụt hay thậm chí là lệch hướng nghiên cứu.

5) Tạo nên nghiên cứu khoa học

Nếu cách viết giả thuyết nghiên cứu là đúng, logic thì sẽ góp phần tạo nên nghiên cứu khoa học, giúp cho việc nghiên cứu được diễn ra nhanh chóng và thuận lợi hơn.

CHỨC NĂNG CỦA GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

- Chức năng cơ bản của giả thuyết nghiên cứu chính là **phán đoán**.
- Phán đoán là một thao tác logic nhờ đó người ta nối liền các khái niệm để khẳng định khái niệm này là hoặc không phải khái niệm kia.
- Có bao nhiêu loại hình phán đoán trong logic học hình thức thì có bấy nhiêu loại giả thuyết được sử dụng trong NCKH.
- Phán đoán đơn, phán đoán khẳng định, phán đoán phủ định, phán đoán giải định....



Bước 1: Xác định loại hình nghiên cứu

Nhận dạng chuẩn xác loại hình nghiên cứu (nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu triển khai).

Bước 2: Đưa ra phán đoán

- Phán đoán theo tư duy logic
- Phán đoán theo suy luận
- Có 3 hình thức suy luận: suy luận diễn dịch, suy luận quy nạp và loại suy

- ❑ **Suy luận theo hướng diễn dịch:** Người nghiên cứu sẽ tư duy bắt đầu từ những phát đoán đã có sẵn rồi mới phát triển và đưa ra thành giả thuyết nghiên cứu.
- ❑ **Suy luận theo hướng quy nạp:** Người nghiên cứu sẽ tổng hợp những cái riêng, thành những cái chung và đưa ra giả thuyết nghiên cứu.
- ❑ **Suy luận theo hướng loại suy:** Đây là hướng suy luận đồng cấp. Người nghiên cứu sẽ suy luận từ cái riêng đến cái riêng, tìm ra những điểm chung hay loại trừ những suy luận không liên quan.

KIỂM CHỨNG GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU

Chứng minh giả thuyết

Chứng minh giả thuyết nghiên cứu là đúng. Dựa vào các kết quả điều tra, các tài liệu nghiên cứu khoa học trước đó, kết hợp với tư duy logic, người nghiên cứu cần chứng minh giả thuyết nghiên cứu thuyết phục và đúng.

Trong phương pháp kiểm chứng này, chủ thể nghiên cứu cần đưa ra đầy đủ các luận điểm, luận cứ, luận đề, lập luận chặt chẽ để đảm bảo tính thuyết phục của quá trình nghiên cứu.

3 nguyên tắc chứng minh giả thuyết nghiên cứu cần tuân thủ:

- Luận đề phải rõ ràng, nhất quán
- Luận cứ phải chính xác, chân thực, có mối quan hệ trực tiếp với luận đề
- Luận chứng không vi phạm các nguyên tắc suy luận, logic.

Bác bỏ giả thuyết

Bác bỏ là phương pháp **chỉ rõ tính phi lý của một giả thuyết nghiên cứu** khoa học, bác bỏ tính đúng đắn của giả thuyết nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu sai.

Trong phương pháp này, người nghiên cứu cần:

- Bác bỏ luận đề: Chỉ ra những điểm bất cập và phi lý
- Bác bỏ luận cứ: Chỉ ra sự thiếu chân thực của luận cứ, sự rời rạc của luận cứ và luận đề
- Bác bỏ luận chứng: Luận chứng không phù hợp với quy tắc suy luận.

QUAN SÁT MÀU SẮC RUỘT QUA CỦA BA GIỐNG THANH LONG



- Trong ba loại Thanh long, loại nào được ưa chuộng hơn?
- Trong ba loại Thanh long, loại nào tốt cho sức khỏe hơn?
- Sự khác biệt về dinh dưỡng giữa hai loại Thanh long ở điểm nào?

ĐẶT CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

PHÁN ĐOÁN CỦA NHÀ KHOA HỌC



Thanh long ruột vàng có thành phần dinh dưỡng cao
GIÀ THUYẾT KHOA HỌC
hơn thanh long ruột đỏ và ruột trắng

YÊU CẦU CỦA GIẢ THUYẾT KHOA HỌC

- ➔ Có thể kiểm chứng
- ➔ Có thể bác bỏ
- ➔ Đơn giản nhất có thể
- ➔ Cụ thể, rõ ràng, chính xác
- ➔ Hữu ích
- ➔ Có cơ sở
- ➔ Làm rõ mối liên hệ giữa các biến
- ➔ Dễ đo các biến
- ➔ Khả thi về TG

CÔNG TRÌNH KHOA HỌC

Công trình khoa học và công nghệ là sản phẩm của lao động sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ được **xuất bản** hoặc **cấp bằng**.

- ❑ **Công trình nghiên cứu khoa học** là kết quả của hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn; được xuất bản.
- ❑ **Công trình nghiên cứu phát triển công nghệ** là công trình sáng tạo ra công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật mới, vật liệu mới, giống mới, sản phẩm mới được xuất bản hoặc cấp Bằng sang chế;
- ❑ **Công trình ứng dụng công nghệ** là công trình ứng dụng thành công công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật mới được xuất bản hoặc được cấp Bằng giải pháp hữu ích.

CÁC LOẠI CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Bài báo khoa học

Báo cáo tổng kết đề tài được xuất bản

Báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học công nghệ

Sách chuyên khảo

Luận án

Bằng sáng chế

Giải pháp hữu ích

LUẬN VĂN THẠC SĨ CÓ PHẢI LÀ CÔNG TRÌNH KHOA HỌC?

Luận văn thạc sĩ là một báo cáo khoa học, tổng hợp các kết quả nghiên cứu chính của học viên, đáp ứng các yêu cầu, cụ thể là:

a) Có đóng góp về lý luận, học thuật hoặc phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; thể hiện năng lực nghiên cứu của học viên.

b) Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam.

c) Tuân thủ quy định của đơn vị đào tạo về liên chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Bài báo công bố liên quan đến luận văn – được điểm thưởng (không bắt buộc)

Luận văn thạc sĩ chưa được coi là công trình khoa học, nên không trích dẫn trong các tài liệu khoa học.

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

- ❖ Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.
- ❖ Luận án tiến sĩ chứa các kết quả nghiên cứu mới, do vậy là công trình khoa học và được trích dẫn trong các tài liệu khoa học.
- ❖ Các bài báo (công trình) công bố liên quan đến luận án (bắt buộc)

BÀI BÁO KHOA HỌC

Bài báo KH (scientific paper), **một loại công trình khoa học** (Scientific works) là một báo cáo được viết và xuất bản trong một tạp chí có bình duyệt mô tả những kết quả nghiên cứu gốc.

Nội dung KH-xuất bản trên Tạp chí khoa học – Qua hệ thống bình duyệt (peer review) của tạp chí.

Bài báo khoa học là một kênh chính thống để công bố và chia sẻ kết quả nghiên cứu khoa học

Vị trí: rất quan trọng, vì qua bài báo công bố có thể đánh giá khả năng chuyên môn và năng suất khoa học của nhà nghiên cứu;

Bài báo là sản phẩm của tri thức và là loại “*tiền tệ*” của giới KH;

Các loại bài báo khoa học: Bài tổng quan (Reviews), Bài báo nguyên gốc (original article), báo cáo ngắn (short communication) xuất bản trên các tạp chí khoa học hoặc Kỷ yếu (Proceedings) hội nghị khoa học.

Bài báo khoa học xuất bản trên tạp chí (đánh giá cao) và conference Proceedings).



VÍ DỤ

SCIENTIFIC
REPORTS

nature research

Article

Analysis of the Chloroplast Genome of *Ficus simplicissima* Lour Collected in Vietnam and Proposed Barcodes for Identifying *Ficus* PlantsThuy Thi Thu Vu ¹, Lien Thi Kim Vu ^{2,3}, Lam Tung Le ⁴, Thu Thi Mai Lo ⁵ and Mau Hoang Chu ^{1*}¹ Department of Genetics and Biotechnology, TNU-University of Education, Thanhuyen 250000, Vietnam² Institute of Theoretical and Applied Research, Duy Tan University, Hanoi 100000, Vietnam³ Faculty of Natural Sciences, Duy Tan University, Da Nang 550000, Vietnam⁴ VAST Institute of Biotechnology, Hanoi 100000, Vietnam⁵ Department of Biology, Taybac University, Sonda 34100, Vietnam

* Correspondence: chuhoangmau@tnu.edu.vn

Abstract: *Ficus simplicissima* Lour. is an Asian species of fig tree in the family Moraceae. The chloroplast (cp) genome of *F. simplicissima* m3 was sequenced using the Pacbio sequel platform. The *F. simplicissima* cpDNA has a size of 160,321 bp in length, of which GC content accounts for 36.13%. The cp genome of *F. simplicissima* consists of a single large copy (LSC) with a size of 91,346 bp, a single small copy (SSC) with a size of 20,131 bp, and a pair of inverted repeats with a size of 24,421 to 24,423 bp. The cp genome of *F. simplicissima* has 127 genes, including 85 protein-coding genes, eight rRNA genes, and 34 tRNA genes; 92 simple sequence repeats and 39 long repeats were detected in the cpDNA of *F. simplicissima*. A comparative cp genome analysis among six species in the

Contents lists available at [ScienceDirect](#)

Saudi Journal of Biological Sciences

journal homepage: www.sciencedirect.com

Original article

GmDREB6, a soybean transcription factor, notably affects the transcription of the *NtP5CS* and *NtCLC* genes in transgenic tobacco under salt stress conditionsTan Quang Tu ^a, Phutthakone Vacixaxa ^{a,b}, Thu Thi Mai Lo ^c, Nhung Hong Nguyen ^d, Nhan Thi Thanh Pham ^e, Quan Huu Nguyen ^a, Phat Tien Do ^{d,e}, Lan Thi Ngoc Nguyen ^a, Yen Thi Hai Nguyen ^{f,g}, Mau Hoang Chu ^a^a TNU - University of Education, Thanh Nguyen, Viet Nam^b Khanghuy Tractor Training College, Xiangkhong, Laos^c Tay Bac University, Son Le, Viet Nam^d VAST - Institute of Biotechnology, Hanoi, Viet Nam^e VAST - Graduate University of Sciences and Technology, Hanoi, Viet Nam^f TNU - University of Sciences, Thanh Nguyen, Viet Nam

ARTICLE INFO

Article history:
Received 16 January 2021
Revised 3 August 2021
Accepted 3 August 2021
Available online 10 August 2021

Keyword:
GmDREB6
NtP5CS
NtCLC
Salt tolerance
Transcription levels

ABSTRACT

Soil is contaminated with salinity, which inhibits plant growth and development and reduces crop yields. The DREB (dehydration responsive element binding protein) gene responds to salt stresses through enhanced transcriptional expression and activation of genes involved in plant salinity resistance. In this study, we present the results of the analysis of the expression of the *GmDREB6* transgene, a gene that encodes the soybean DREB6 transcription factor, regulating the transcription of the *NtP5CS* and *NtCLC* genes in transgenic tobacco under salt stress conditions. The transcription of *GmDREB6*, *NtP5CS*, and *NtCLC* in transgenic tobacco lines was confirmed by qRT-PCR. Under salt stress conditions, the *GmDREB6* gene transcription levels in the transgenic tobacco lines L1 and L9 had increased from 2.40- to 3.22- fold compared with the condition without salinity treatment. Two transgenic lines, L1 and L9, had transcription levels of the *P5CS* gene that had increased from 1.24- to 3.60- fold compared with WT plants. For the *NtCLC* gene, under salt stress conditions, the transgenic lines had transcription levels that had increased by 3.65-4.54 (fold) compared with WT plants ($P < 0.05$). The L1-transgenic tobacco line showed simultaneous expression of both the *GmDREB6* transgene and two intrinsic genes, the

OPEN

Overexpression of the *GmDREB6* gene enhances proline accumulation and salt tolerance in genetically modified soybean plantsQuan Huu Nguyen¹, Lien Thi Kim Vu², Lan Thi Ngoc Nguyen¹, Nhan Thi Thanh Pham¹, Yen Thi Hai Nguyen², Son Van Le⁴ & Mau Hoang Chu^{1*}

Soybean plants are sensitive to the effects of abiotic stress and belong to the group of crops that are less drought and salt tolerant. The identification of genes involved in mechanisms targeted to cope with water shortage is an essential and indispensable task for improving the drought and salt tolerance of soybean. One of the approaches for obtaining lines with increased tolerance is genetic modification. The dehydration-responsive element binding proteins (DREBs), belonging to the AP2 family, are trans-active transcription factors that bind to the cis-sequences of the promoter for activating the expression of the target genes that mediate drought and salt tolerant responses. In this study, the *GmDREB6* transgene was introduced into DT84 cultivar soybean plants, using *Agrobacterium*-mediated transformation. The efficacy of *GmDREB6* overexpression in enhancing the transcriptional level of *GmP5CS* and proline accumulation in genetically modified (GM) soybean plants was also assayed. The results demonstrated that ten GM soybean plants (T0 generation) were successfully generated from the transformed explants after selecting with kanamycin. Among these plantlets, the presence of the *GmDREB6* transgene was confirmed in nine plants by Polymerase Chain Reaction (PCR), and eight plants showed positive results in Southern blot. In the T1 generation, four GM lines, labelled T1-2, T1-4, T1-7, and T1-10, expressed the recombinant GmDREB6 protein. In the T2 generation, the transcriptional

Overexpressing GmCH11A increases the isoflavon of transgenic soybean (*Glycine max* (L.) Merr.) seHuu Quan Nguyen¹ · Thi Hong Trang Le^{1,2} · Thi Ngoc Lan Nguyen¹ · Thu Quang Tan Tu¹ · Thi Thu Thuy Vu¹ · Van Son Le³ · Hoang Mau Chu¹ · Th

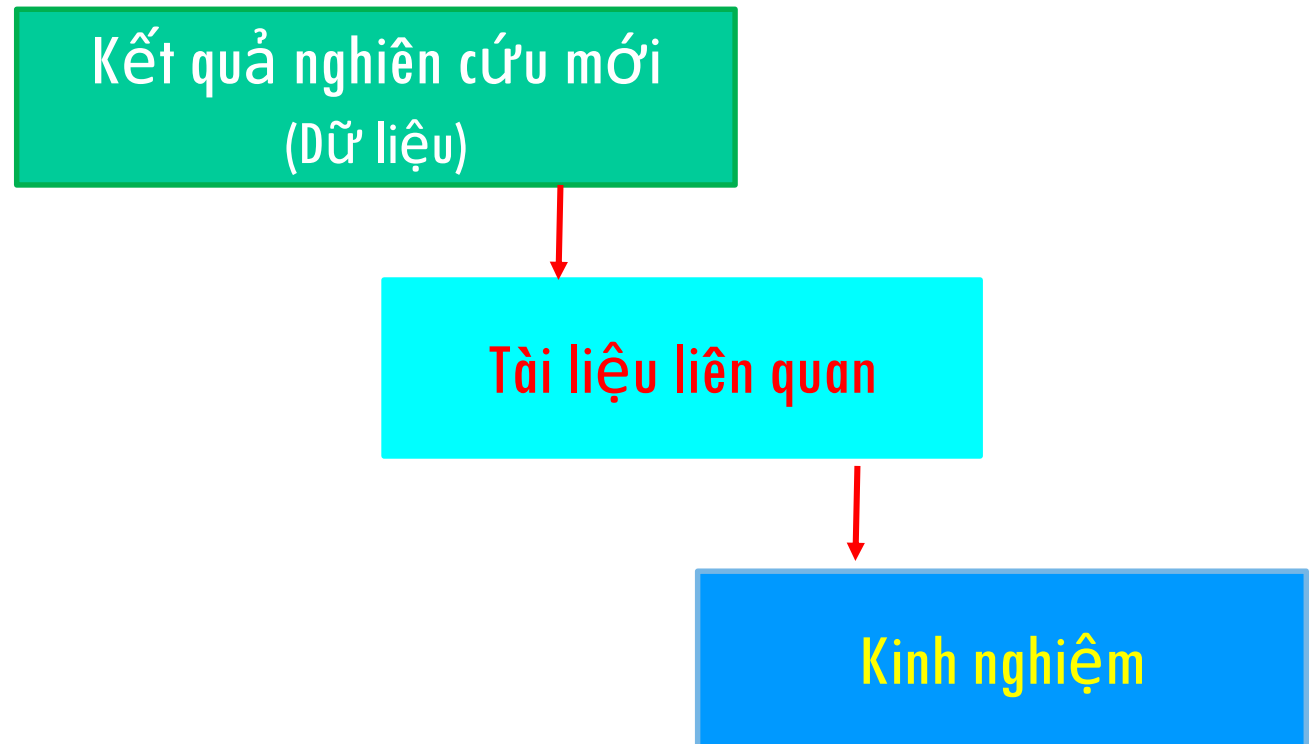
Received: 25 November 2019 / Accepted: 5 March 2020 / Published online: 17 March 2020 / Edit © The Society for In Vitro Biology 2020

Abstract

Isoflavones, which are secondary metabolites synthesised through the phenylpropanoid essential physiological processes of the soybean plant. Isoflavones are well-known for their anti-inflammatory and anticancer activities; however, soybean plants contain very low isoflavone content is one of major concerns in soybean research. An effective approach

VIẾT BẢN THẢO BÀI BÁO KHOA HỌC CẦN CÓ NHỮNG GÌ?

Để viết được một bản thảo bài báo khoa học cần có ít nhất 3 thứ:



CẤU TRÚC MỘT BÀI BÁO KHOA HỌC

KHOA HỌC THỰC NGHIỆM

Tên bài báo (Title)

Tác giả, cơ sở nghiên cứu

Tóm tắt (Abstracts)

Giới thiệu (Introduction)

Vật liệu và phương pháp (Materials and Methods)

Kết quả (Results)

Thảo luận (Discussion)

Lời cảm ơn (Acknowledgment)

.....

Tài liệu tham khảo (References)

TÁC GIẢ VÀ VỊ TRÍ TÊN TÁC GIẢ TRONG BÀI BÁO

Tiêu chuẩn đứng tên tác giả trong bài báo

1. Đóng góp quan trọng trong hình thành ý tưởng và phương pháp nghiên cứu; thu thập, phân tích dữ liệu...;
2. Soạn thảo bài báo và kiểm tra nội dung tri thức của bài báo;
3. Phê chuẩn bản thảo sau cùng để gửi cho tạp chí.

Vị trí của tác giả trong bài báo

- Trong nghiên cứu khoa học ngày nay thường là công trình tập thể. NC thực nghiệm phổ biến số tác giả là 4-5 tác giả, thậm chí có thể >10 tác giả.

- Thống kê năm từ 7-1997 đến 12-1997 ở tạp chí *Lancet*, trong 115 bài báo, có 785 tác giả và trung bình khoảng 7 tác giả /bài báo.

Tác giả chính của bài báo: như một “luật bất thành văn”, theo mức độ đóng góp thì tác giả chính của bài báo là **tác giả số 1 (First author)** và **tác giả liên hệ (Correspondings)** (người chịu trách nhiệm chính)

VÍ DỤ

scientific reports

OPEN

Complete chloroplast genome of novel *Adinandra megaphylla* Hu species: molecular structure, comparative and phylogenetic analysis

Huu Quan Nguyen¹, Thi Ngoc Lan Nguyen^{1,2}, Thi Nhung Doan¹, Thi Thu Nga Nguyen¹, Mai Huong Pham², Tung Lam Le², Danh Thuong Sy¹, Hoang Ha Chu² & Hoang Mau Chu^{1,2*}

Adinandra megaphylla Hu is a medicinal plant belonging to the *Adinandra* genus, which is well-known for its potential health benefits due to its bioactive compounds. This study aimed to assemble and annotate the chloroplast genome of *A. megaphylla* as well as compare it with previously published cp genomes within the *Adinandra* genus. The chloroplast genome was reconstructed using de novo and reference-based assembly of paired-end reads generated by long-read sequencing of total genomic DNA. The size of the chloroplast genome was 156,298 bp, comprised a large single-copy (LSC) region of 85,688 bp, a small single-copy (SSC) region of 18,424 bp, and a pair of inverted repeats (IRA and IRB) of 26,093 bp each; and a total of 51 SSRs and 48 repeat structures were detected. The chloroplast genome includes a total of 131 functional genes, containing 86 protein-coding genes, 37 transfer RNA genes, and 8 ribosomal RNA genes. The *A. megaphylla* chloroplast genome indicated that gene content and structure are highly conserved. The phylogenetic reconstruction using complete cp sequences, *matK* and *trnL* genes from Pentaphragaceae species exhibited a genetic relationship. Among them, *matK* sequence is a better candidate for phylogenetic resolution. This study is the first report for the chloroplast genome of the *A. megaphylla*.

Guide Pedagogical Students to Design and Organize Experience-based Learning Activities in Schools

Thi Hang Nguyen

Thai Nguyen University of Education, Thai Nguyen City, Viet Nam
<https://orcid.org/0000-0002-7254-968X>

Huu Quan Nguyen

Thai Nguyen University of Education, Thai Nguyen City, Viet Nam
<https://orcid.org/0000-0002-9259-746X>

Hoang Mau Chu*

Thai Nguyen University of Education, Thai Nguyen City, Viet Nam
<https://orcid.org/0000-0002-8260-6369>

Abstract. In Vietnam, experiential activities and experience-based learning models were first introduced in 2018 into the general education curriculum and they will be applied when implementing this program. Therefore, the teacher training program at university of education should meet the requirements of general education reform. In particular, it is essential to guide pedagogical students to design and organise experiential learning activities in the school. This study describes the design, implementation, and evaluation of a course of guiding to design and organise experience-based learning in schools for Vietnamese pedagogical students who will plan to implement experience-based learning activities into their teaching. A course in a 60-hour instructional process (including 30 hours of self-studying) with 5 activities designed to be experiential, enables our students to simultaneously explore and practice experience-based learning activities. The results of designing and organising 55 experience-based learning activity plans were obtained from one hundred and nine participants of the Faculty of Biology, Thai Nguyen University of Education, Vietnam who assessed the instructional process beneficially. The research group also proposed five effective measures to organise experiential learning in high school. This tutorial process will continue to be improved and implemented in subsequent courses to contribute to the renovation of higher education and meet the general educational improvement in Vietnam.

* Corresponding author: Hoang Mau Chu, Email: chuhoangmau@tue.edu.vn

TÊN BÀI BÁO

Vị trí của title: thu hút sự chú ý của người đọc và người bình duyệt.
Quyết định người đọc có nên đọc tiếp bài báo hay không?

Ba loại title chính:

- 1) Tuyên bố;
- 2) Mô tả;
- 3) Câu hỏi.

Trong đó title theo kiểu tuyên bố và mô tả được sử dụng nhiều nhất;

Title không nên quá ngắn hoặc quá dài (thường không quá 20 từ).

MỘT SỐ LƯU Ý KHI ĐẶT TÊN BÀI BÁO

1. Title bắt đầu từ một từ khóa (keyword);
2. Title phản ánh nội dung chính
3. Sử dụng từ ngắn gọn, không đặt title dài;
4. Cố gắng có điểm mới trong title
5. Không bao giờ viết tắt; tránh những từ không cần thiết;
6. Trong title không có nghịch lý hay mơ hồ;
7. Không đặt title như là một phát biểu.

Ngoài title chính, còn thêm title ngắn (short title hay running title-khoảng 10 từ).

ABSTRACTS & INTRODUCTION

1. Tóm tắt (*Abstracts*) phải chuyển tải một số thông tin quan trọng sau đây: Câu hỏi và mục tiêu nghiên cứu; Phương pháp NC; Kết quả nghiên cứu; Kết luận

2. Giới thiệu (*Introduction*): Định nghĩa vấn đề; Tổng kết những gì đã được nghiên cứu; Mục đích của nghiên cứu là gì?

-Cách viết: Không nên viết quá dài; Không viết kiểu thống kê theo lịch sử; *Nên viết bằng thì quá khứ*

-*Ví dụ:*

VIẾT PHẦN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Mục tiêu của phần PPNC: trả lời câu hỏi là tác giả đã làm gì, làm như thế nào?

Phải cung cấp các thông tin: *Đối tượng nghiên cứu, nguyên vật liệu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp đo lường, độ tin cậy của các phương pháp đo, phương pháp phân tích dữ liệu;*

Phải mô tả chi tiết để người đọc hiểu được cách thức tiến hành nghiên cứu

VIẾT PHẦN KẾT QUẢ

Phần kết quả trả lời được câu hỏi: Đã phát hiện những gì (What did you find?)

- Trình bày các dữ liệu ở dạng mô tả, hình ảnh, bảng số liệu, biểu đồ,
- Các kết quả được lần lượt trình bày để trả lời cho *Câu hỏi nghiên cứu* trong phần giới thiệu.

VIẾT PHẦN THẢO LUẬN

- Phần thảo luận là phần khó viết nhất, cần nhấn mạnh vào khía cạnh nào, và viết như thế nào để có thể thuyết phục được;
- Kết quả viết thảo luận có thể đánh giá được trình trình độ của người viết.
- Trả lời được câu hỏi: Các kết quả nghiên cứu có ý nghĩa gì?
- Cấu trúc 6 điểm của phần thảo luận:
 1. Tóm lược giả thuyết, mục tiêu và phát hiện chính;
 2. So sánh với các nghiên cứu trước;
 3. Giải thích kết quả để đưa ra mô hình mới hoặc giả thuyết mới
 4. Khái quát hóa ý nghĩa của kết quả;
 5. Bàn qua về ưu điểm và tồn tại của công trình nghiên cứu
 6. Kết luận để người đọc có thể lĩnh hội được

BÀI BÁO KHOA HỌC CÔNG BỐ Ở ĐÂU?

www.nature.com/scientificreports

SCIENTIFIC
REPORTS
nature research

Phytochemistry Letters 55 (2023) 142–145

Contents lists available at ScienceDirect

Phytochemistry Letters

journal homepage: www.elsevier.com/locate/phytol



Two new triterpene glycosides from the seeds of *Dimocarpus longan*

Tan Quang Tu, Hung Duc Nguyen^{*}, Mau Hoang Chu

Thoi Nguyen University of Education, Thoi Nguyen, Viet Nam

ARTICLE INFO

Keywords:

Dimocarpus longan Lour.
Sapindaceae
Triterpene glycoside
Structural elucidation
Spectroscopy

ABSTRACT

Two undescribed triterpene glycosides, 3-[(O- α -L-rhamnopyranosyl-(1 \rightarrow 2)- α -L-arabinopyranosyl)oxy]olean-12-en-28-*oic* acid O- β -D-xylopyranosyl-(1 \rightarrow 2)-O-[β -D-xylopyranosyl-(1 \rightarrow 6)]- β -D-glucopyranoside (1) and 3-[(O- β -D-xylopyranosyl-(1 \rightarrow 3)-O- α -L-rhamnopyranosyl-(1 \rightarrow 2)- α -L-arabinopyranosyl)oxy]olean-12-en-28-*oic* acid O- α -L-rhamnopyranosyl-(1 \rightarrow 2)-O-[β -D-xylopyranosyl-(1 \rightarrow 6)]- β -D-glucopyranoside (2), named longanosides A and B, respectively, were isolated from the seeds of *Dimocarpus longan* Lour. by various chromatography methods. The structures of the isolated compounds were established by interpretation of spectroscopic data (1D and 2D NMR) and mass spectrometry (HR-ESI-MS).

1. Introduction

Dimocarpus longan Lour., belonging to the genus *Dimocarpus* and thus the Sapindaceae family, is widely distributed throughout the world, especially in Southeast Asia, including Vietnam (Zhang et al., 2020). The fruit of *D. longan* has gained wide popularity with consumers and is used in folk medicine to treat diseases by promoting blood metabolism, soothing nerves and relieving insomnia (Xue et al., 2015). Despite containing high levels of polyphenolic compounds which could be an exploitable source of natural phenolic antioxidants, the seeds of *D. longan* are largely wasted or burned as fuel during processing (Li et al., 2014; Rangkadilok et al., 2005; Soong and Barlow, 2004). To search for structurally unique and biologically active compounds from medicinal plants in Vietnam, the present study focused on the isolation and identification of two undescribed triterpene glycosides from the seeds of

xylopyranosyl (Xyl) and β -D-glucopyranosyl (Glc). This identification was further proven by the retention times of the sugar moieties resulting from acid hydrolysis at $t_R = 10.95$ (L-Ara), 10.66 (D-Xyl), 11.07 (L-Rha), and 17.51 min (D-Glc). The absolute configurations of sugars were determined to be D for Xyl and Glc, and L for Ara and Rha by GC analysis (Nguyen et al., 2020). The relatively large $^3J_{H_{1,2},H_{6,2}}$ values of Ara, Xyl and Glc (7.6–8.2 Hz) indicated a β anomeric orientation for Xyl and Glc, and an α anomeric orientation for Ara. The large $^3J_{H_{1,2},H_{3,1}}$ values of Rha (166–168 Hz) confirmed that the anomeric protons were equatorial (α -pyranoid anomeric form) (Nguyen et al., 2021).

Compound 1 was isolated as a white amorphous powder. The molecular formula of 1 was determined to be $C_{57}H_{92}O_{24}$ based on a pseudomolecular ion peak at m/z 1183.5912 (calcd. for 1183.5876) in the HR-ESI-MS spectrum. The 1H NMR spectrum revealed the presence of seven tertiary methyl groups at δ_r : 1.29 (s, H-23), 1.13 (s, H-24), 0.88 (s,

Overexpression of the *GmDREB6* gene enhances proline accumulation and salt tolerance in genetically modified soybean plants

Huan Huu Nguyen¹, Lien Thi Kim Vu², Lan Thi Ngoc Nguyen¹, Nhan Thi Thanh Pham¹, Yen Thi Hai Nguyen¹, Son Van Le⁴ & Mau Hoang Chu^{1*}

Soybean plants are sensitive to the effects of abiotic stress and belong to the group of crops that are less drought and salt tolerant. The identification of genes involved in mechanisms targeted to cope with water shortage is an essential and indispensable task for improving the drought and salt tolerance of soybean. One of the approaches for obtaining lines with increased tolerance is genetic modification. The dehydration-responsive element binding proteins (DREBs), belonging to the AP2 family, are transcription factors that bind to the cis-sequences of the promoter for activating the expression of the target genes that mediate drought and salt tolerant responses. In this study, the *mDREB6* transgene was introduced into DT84 cultivar soybean plants, using *Agrobacterium*-mediated transformation. The efficacy of *GmDREB6* overexpression in enhancing the transcriptional level of *mPSCS* and proline accumulation in genetically modified (GM) soybean plants was also assayed. The results demonstrated that ten GM soybean plants (T0 generation) were successfully generated from

NHẬN DIỆN VÀ LỰA CHỌN TẠP CHÍ QUỐC GIA

Các loại tạp chí quốc gia được cộng đồng khoa học Việt Nam chấp nhận

- Các Tạp chí quốc gia do Hội đồng Giáo sư nhà nước (<http://hdgsnn.gov.vn/>) xác định và đánh giá bằng điểm theo từng ngành (Toán, VL, HSH, TDTT, GD, ...).
- Link: - ..\18-HDGSN Sinh hoc-DMTCKH 2022_0001.pdf
- - [..\24_HDGSLN Van hoa-NT-TDTT-DMTCKH 2022_0001\(1\).pdf](..\24_HDGSLN Van hoa-NT-TDTT-DMTCKH 2022_0001(1).pdf)
- [..\8_HDGSN Giao duc hoc-DMTCKH 2022_0001\(2\).pdf](..\8_HDGSN Giao duc hoc-DMTCKH 2022_0001(2).pdf)
- [..\3.\(NAFOSTED\) DMTC Quoc gia uy tin.pdf](..\3.(NAFOSTED) DMTC Quoc gia uy tin.pdf)

Ví dụ: Tạp chí Khoa học & Công nghệ ĐHTN, ([ISSN 1859-2171](#), [2374-9098](#); [e-ISSN 2615-9562](#)) là một tạp chí học thuật đa ngành có bình duyệt của Đại học Thái Nguyên. **Tạp chí đã được lập chỉ mục ACI từ năm 2020.** <http://jst.tnu.edu.vn/jst>

TẠP CHÍ QUỐC GIA UY TÍN

Quỹ Nafosted xác định các tạp chí quốc gia uy tín theo từng ngành

Link: [3. \(NAFOSTED\) DMTC Quoc gia uy tin.pdf](#)

TẠP CHÍ KHOA HỌC QUỐC TẾ UY TÍN

Tạp chí khoa học uy tín: được chỉ mục trong danh mục **Scopus** và danh mục **Web of Science** Core Collection (WoS, trước đây thường biết với tên gọi phổ biến là ISI).

WoS là viết tắt của Web of Science, cơ sở dữ liệu (CSDL) trích dẫn các tạp chí khoa học thế giới được tuyển chọn và quản lý bởi Clarivate Analytics (Mỹ)

CSDL này được sáng lập năm **1956** bởi Viện Thông tin Khoa học (Institute of Scientific Information-US), gọi là ISI.

Năm **1992**, Thomson Science (sau này là Thomson Reuters) mua lại ISI (nên còn có tên là Thomson ISI);

Năm **2016**, Thomson Reuters bán lại cho Clarivate Analytics.

TẠP CHÍ KHOA HỌC QUỐC TẾ UY TÍN

Phần lõi của WoS (WoS Core Collection) bao gồm dữ liệu trích dẫn các tạp chí khoa học, sách và kỹ yếu hội thảo. Đối với tạp chí năm **2020** dữ liệu trích dẫn bao gồm khoảng **22.000** tạp chí của hơn **250** ngành khoa học, phân thành 04 nhóm (thường gọi là danh mục):

- ❑ Science Citation Index Expanded (**SCIE**) với hơn 9.200 tạp chí của khoảng 150 ngành, xuất bản từ 1990 đến nay.
- ❑ Social Sciences Citation Index (**SSCI**) với hơn 3.400 tạp chí của các ngành khoa học xã hội, xuất bản từ 1900 đến nay.
- ❑ Arts & Humanities Citation Index (**AHCI** hay **A&HCI**) với hơn 1.800 tạp chí các ngành nhân văn và nghệ thuật, xuất bản từ 1975.
- ❑ Emerging Sources Citation Index (**ESCI**) với hơn 7.800 tạp chí của tất cả các ngành khoa học (đây là các tạp chí “dự bị” để xét chọn vào 3 danh mục trên khi đủ điều kiện về chất lượng).

TẠP CHÍ KHOA HỌC QUỐC TẾ UY TÍN

- ❖ **Scopus** là CSDL trích dẫn và tóm tắt các ấn phẩm khoa học được tuyển chọn và quản lý bởi Elsevier (Hà Lan), được thành lập từ năm 2004 (muộn hơn ISI/WoS).
 - CSDL Scopus bao gồm các loại ấn phẩm xuất bản nhiều kỳ (serial publications) có ISSN như tạp chí, chuỗi sách, chuỗi kỹ yếu và các ấn phẩm không xuất bản nhiều kỳ (non-serial publications) có chỉ số ISBN như sách hay kỹ yếu ra một lần.
- ❖ **Scopus** (2020) bao gồm trên 25.100 đầu ấn phẩm nhiều kỳ, trong đó khoảng 23.500 tạp chí có phản biện và hơn 850 chuỗi sách. Tổng số bản ghi là trên 77 triệu, trong đó 67,5% xuất bản sau năm 1996 và 32,5% xuất bản trước 1995.
- ❖ **Scopus** không tách riêng các nhóm danh mục như WoS, nhưng phân loại các ấn phẩm theo 4 nhóm lĩnh vực gồm: *Khoa học sự sống (Life sciences)*, *Khoa học vật lý (Physical sciences)*, *Khoa học sức khỏe (Health sciences)* và *Khoa học xã hội & nhân văn (Social sciences & Humanities)*.
- ❖ Các ấn phẩm lại được phân thành 27 ngành và hơn 300 chuyên ngành. Trong số 25.100 đầu ấn phẩm có đến 1/2020, tỷ lệ phân bố theo các nhóm lĩnh vực đã nêu theo thứ tự là 15,4%; 28%; 30,4% và 26,2%.



NHẬN DIỆN VÀ LỰA CHỌN QUỐC TẾ UY TÍN

- Tạp chí quốc tế: Tạp chí ISI (SCIE, ESCI), TC Scopus, TC quốc tế khác (TC ACI, TC quốc tế bằng tiếng Anh, Nga, Trung...)
- Ví dụ: <https://www.tandfonline.com/journals/rjsp20>
<https://www.termedia.pl/Journal/-78/Zaakceptowane>

1. Test tạp chí ISI: Truy cập vào web:
<https://mjl.clarivate.com/home>

Ví dụ: - European journal of sport science
- Journal of sports science and medicine

2. Test tạp chí Scopus: <https://www.scopus.com/>

Ví dụ: - Sport Sciences for Health
- International Journal of Sports Science and Coaching

NHẬN DIỆN CHẤT LƯỢNG TẠP CHÍ

Chất lượng tạp chí khoa học quốc tế được chấp nhận ở 4 mức Q1, Q2, Q3, Q4; Link: <https://www.scimagojr.com/>

Test chất lượng tạp chí quốc tế bằng Scimago:

VD: Nature, Scimago (Q1-ISI uy tín)

→ <https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21206&tip=sid>

[Journal of Teacher Education](https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=13354&tip=sid) (Q1):

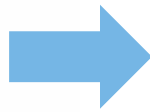
<https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=13354&tip=sid>

Journal of Teacher Education for Sustainability (Q2):

<https://sciendo.com/journal/JTES>

IMPACT FACTOR: IF

Impact Factor
là gì?



IF

- Impact factor (IF) hay Journal impact factor (JIF) của một tạp chí khoa học là một số đo phản ánh số lượng trích dẫn (citation) trung bình theo năm của các bài báo khoa học được xuất bản gần đây trên tạp chí đó.
- Chỉ số để phản ánh mức độ uy tín của một tạp chí.
- Tạp chí có IF càng cao thì càng uy tín; IF lại càng thấp thì càng ít uy tín

Tính IF:

Tổng số trích dẫn của 2 năm liền trước chia cho tổng số bài báo xuất bản trong 2 năm đó.

VD: - Tạp chí tổng trích dẫn trong 2 năm liền trước (2021, 2022) là 300

- Tổng số bài báo được xuất bản trong thời gian này là 150 bài

- $IF = 300/150 = 2$, và **impact factor năm 2023 sẽ là 2.**

CiteScore

CiteScore (CS) là Hệ số tác động của một tạp chí học thuật, nó là thước đo phản ánh số lượng trích dẫn trung bình hàng năm cho các bài báo được xuất bản trên tạp chí đó

CiteScore (CS), chỉ số để đánh giá mức độ uy tín của một tạp chí.

CiteScore cao thì thể hiện mức độ uy tín cao hơn và ngược lại.

CiteScore chỉ được tính đối với những tạp chí của Scopus (Elsevier)

Công thức tính mới cho Citescore 2019



$$\text{CiteScore 2019} = \frac{A}{B}$$

Tử số (A) | Tổng số lượt trích dẫn của các bài nghiên cứu, bài viết đánh giá, báo cáo hội nghị, bài viết sách và các bài viết số liệu xuất bản trong khoảng 2016-2019.

Mẫu số (B) | Tổng số bài nghiên cứu, bài viết đánh giá, báo cáo hội nghị, bài viết sách và các bài viết số liệu xuất bản trong khoảng 2016-2019.

CHỈ SỐ SJR

Chỉ số **SJR** (**SCImago Journal Rank**) là thước đo ảnh hưởng khoa học của các tạp chí học thuật, về cả số lượng trích dẫn mà một tạp chí nhận được và tầm quan trọng hoặc uy tín của các tạp chí nơi các trích dẫn đó xuất phát.

SJR của một tạp chí là một giá trị số cho biết số lượng trích dẫn trung bình nhận được trong một năm được chọn trên mỗi tài liệu được xuất bản trong tạp chí đó trong ba năm trước.

Giá trị **SJR** cao có nghĩa là cho thấy uy tín tạp chí lớn.

SJR = Tổng số trích dẫn trong 3 năm/tổng số bài báo được xuất bản bởi tạp chí đó trong ba năm trước đó

PHÂN BIỆT IF, CITESCORE VÀ SCIMAGO JOURNAL RANK

- ❑ Bản chất của IF, CiteScore (CS) và SCImago Journal Rank (SJR) là giống nhau: cùng đánh giá về mức độ uy tín dựa trên trích dẫn của tạp chí.
- ❑ Khác nhau: dựa trên danh mục các tạp chí khác nhau và cách tính khác nhau.
 - **IF** sử dụng số liệu trích dẫn của **2** năm liền trước.
 - **CS** dùng số liệu trích dẫn của **4** năm liền trước
 - **SJR** = Tổng số trích dẫn trong **3** năm/tổng số bài báo được xuất bản bởi tạp chí đó trong ba năm trước đó

Citescore Percentile

CiteScore Percentile của một ấn phẩm có chỉ số CiteScore X được tính bằng công thức như sau:

CiteScore Percentile của một tạp chí có **CiteScore X** = $[L + (0,5 \times S) / N]$ (%)

Trong đó:

L = Số ấn phẩm nằm trong một lĩnh vực ASJC của Scopus có chỉ số CiteScore thấp hơn X*

S = Số ấn phẩm nằm trong một lĩnh vực ASJC của Scopus có chỉ số CiteScore X

N = Tổng số ấn phẩm nằm trong một lĩnh vực ASJC của Scopus có chỉ số CiteScore

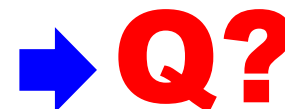
VD; - Một tạp chí trong 4 năm 2019, 2020, 2021, 2022 đã xuất bản 48 bài báo. Tổng số trích dẫn của các bài báo trong 4 năm là 102 trích dẫn. CS = $102/48 = 2,125$ (X)

- Số bài báo có của tạp chí có chỉ số CS thấp hơn **2,125 (X)** là **25** bài (L)

- Số bài báo có của tạp chí có chỉ số CS **2,125 (X)** là **17 (S)**.

- Tổng số bài báo có của tạp chí có chỉ số CS là **42 (N)**.

- Như vậy, **CiteScore Percentile** = $[25 + (0,5 \times 17) / 42] = 25,20$ (%)



**All Science Journal Classification (ASJC): Hệ thống được sử dụng trong Scopus để phân loại các tạp chí và kỷ yếu hội nghị theo 4 lĩnh vực lớn (khoa học sự sống, khoa học vật lý, khoa học sức khỏe và khoa học xã hội và nhân văn). Mỗi nhóm lại được chia thành các nhóm nhỏ và có 333 lĩnh vực nhỏ.*

CHẤT LƯỢNG TẠP CHÍ KHOA HỌC

Ví dụ: Một tạp chí có "CiteScore Percentile" là 78%, nghĩa là xếp hạng CiteScore của tạp chí đó cao hơn 78% các ấn phẩm khác trong lĩnh vực đó.

CiteScore Quartiles được chia làm 4 tập hợp và được phân loại như sau:

Quartile 1 (Q1) = CiteScore percentile 75% tới CiteScore percentile 99%

Quartile 2 (Q2) = CiteScore percentile 50% tới CiteScore percentile 74%

Quartile 3 (Q3) = CiteScore percentile 25% tới CiteScore percentile 49%

Quartile 4 (Q4) = CiteScore percentile 0% tới CiteScore percentile 24%



Q1: gồm các tạp chí chiếm vị trí cao nhất (thuộc top 25%) về IF;

Q2: gồm các tạp chí chiếm vị trí trung bình cao về IF (từ top 25% đến top 50%);

Q3: gồm các tạp chí chiếm vị trí trung bình thấp về IF (từ top 50% đến top 75%);

Q4: gồm các tạp chí đứng ở vị trí thấp còn lại (bottom 25%).

NHẬN DIỆN CHẤT LƯỢNG TẠP CHÍ

Quỹ Nafosted ban hành hai danh mục tạp chí quốc tế ở hai mức:

- Tạp chí ISI uy tín (Q1)- [1. \(NAFOSTED\) DMTC ISI uy tin.pdf](#)
- Tạp chí quốc tế uy tín: Tạp chí ISI (Q1, Q2, Q3)-[2. \(NAFOSTED\) DMTC Quoc te uy tin.pdf](#);

VÀ Danh mục TC quốc gia uy tín, VD ngành SH:

- Tạp chí Quốc gia uy tín: -[3. \(NAFOSTED\) DMTC Quoc gia uy tin.pdf](#)
- Danh mục tạp chí quốc tế và quốc gia có uy tín trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn- [QD-Danh-muc-TCQTQG-KHXX-2019.11.25-FINAL-1.pdf](#)

TẠP CHÍ THUỘC LĨNH VỰC XÃ HỘI NHÂN VĂN

- Danh mục tạp chí quốc tế và quốc gia có uy tín trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn- [QD-Danh-muc-TCQTQG-KHXXH-2019.11.25-FINAL-1.pdf](#)

Taylor & Francis Online

Home ► All Journals ► History Australia

History Australia

Publish open access in this journal

History Australia publishes high quality and innovative scholarship in any field of history and reflects the vibrancy of the historical community in Australia.

Enter keywords, authors, DOI, ORCID etc

This Journal

Advanced search Citation search

Submit an article ▼ About this journal ▼ Browse all articles & issues ▼ Alerts & RSS feed ▼

Ready to submit? Start a new submission or continue a submission in progress

Go to submission site

Standard article publishing charge (APC)
USD 3175

History Australia

Article type
Research Article

Country / Region
This should be the country / region of residence of the person or organization who will pay the APC.
Vietnam

Please note this service may not currently be available in certain countries / regions.

If this is the case your country / region of residence may not appear in the country / region selection or you will be advised of this on submission.

International Journal of Education & the Arts

<http://www.ijea.org/index.html>

Volume 24 Special Issue 1

June 13, 2025

Volume 24 Special Issue 1

Museum Education: Multiple Perspectives

Edranol
Volume 24 Special Issue 1.1
Volume 24 Special Issue 1.2
Volume 24 Special Issue 1.3
Volume 24 Special Issue 1.4

TÌM HIỂU PHẠM VI CỦA TẠP CHÍ



European Journal of Educational Research

Online ISSN: 2165-8714

Contact us

Search in this journal...

HOME

LATEST ISSUE

ARCHIVE

ABOUT JOURNAL

FOR AUTHORS

SUBMIT PAPERS

Aims & Scope

European Journal of Educational Research (EU-JER) aims to provide a forum for original and theoretical studies in education. The journal publishes fully refereed papers which cover applied and theoretical approaches to the study of education. Papers should constitute original research, and should be methodologically sound, theoretically informed and of relevance to an international audience. The journal is particularly interested in research that aims to inform educational practice(s) within and/or across sectors.

EU-JER, more specifically, accept papers mostly on the subjects listed below:

- Adult Education
- Art Education
- Curriculum & Program Development in Education
- Distance Education
- Early Childhood Education
- Education & Behavior
- Educational Assessment & Evaluation
- Educational Economics & Finance
- Educational History
- Educational Leadership & Management
- Educational Management
- Educational Philosophy
- Educational Policy
- Educational Psychology & Counselling
- Educational Sociology
- Ethics & Social Responsibilities

TÌM HIỂU PHẠM VI CỦA TẠP CHÍ

<https://www.springer.com/journal/10583/aims-and-scope>



Children's Literature in Education

An International Quarterly

Home > [Children's Literature in Education](#) > [Aims and scope](#)

Aims and scope

Children's Literature in Education has been a key source of articles on all aspects of children's literature for more than 50 years, featuring important interviews with writers and artists. It covers classic and contemporary material, the highbrow and the popular, and ranges across works for very young children through to young adults. It features analysis of fiction, poetry, drama and non-fictional material, plus studies in other media such as film, TV, computer games, online works; visual narratives from picture books and comics to graphic novels; textual analysis and interpretation from differing theoretical perspectives; historical approaches to the area; reader-response work with children; ideas for teaching children's literature; adaptation, translation and publishing.

CLE is a peer-reviewed journal covering children's literature worldwide, suitable for professionals in the field (academics, librarians, teachers) and any other interested adults.
www.springer.com/journal/10583/how-to-publish-with-us#Fees and Funding

Home > [Children's Literature in Education](#) > [Article](#)

Original Paper | [Open Access](#) | [Published: 29 May 2023](#)

Stolen childhood. War memories of children and young people from 1945-1946

[Maciej Wróblewski](#)

[Children's Literature in Education](#) (2023) | [Cite this article](#)

166 Accesses | 1 Altmetric | [Metrics](#)

Abstract

The article analyses a collection of school essays of world-wide uniqueness, written by Polish children and young people in the years 1945–1946. This collection consists of two



Educational Studies
in Language
and Literature

[Home](#) | [Current](#) | [Archives](#) | [Announcements](#) | [About](#) +

L1-Educational Studies in Language and Literature is an Open Access journal and no author or reader fees are charged. For more information, please see our [Open Access statement](#).

Before submitting a paper, please consult the 'For Authors' information. Please read carefully the [L1 Author Guidelines](#) and the journal's [L1 Publication Ethics Statement](#).

When registering as a reviewer, please select keywords specifying your expertise from the [L1 Reviewer Keywords list](#).

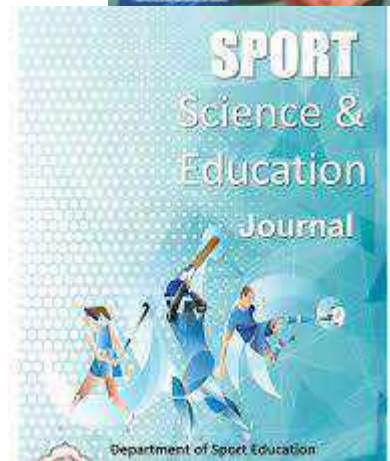
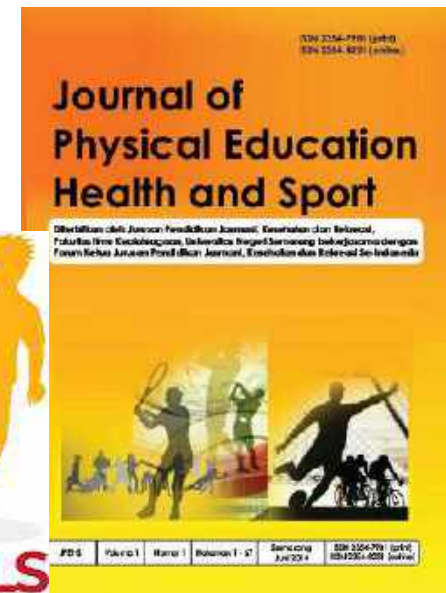
L1-Educational Studies in Language and Literature runs a single Open Issue each year, and accepted articles are published throughout the year. In addition, we publish occasional Special Issues on a focused theme.

MỘT SỐ HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA KHOA HỌC THỂ THAO VÀ GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Nghiên cứu đơn ngành (các chuyên ngành thể dục thể thao)

Nghiên cứu liên ngành

Nghiên cứu giáo dục và quản lý thể thao



PHYSICAL EDUCATION AND SPORT PEDAGOGY

Phát triển chương trình giáo dục thể chất và đào tạo giáo viên ở trường đại học

Nghiên cứu giáo dục thể chất cho trẻ mầm non

Nghiên cứu giáo dục thể chất cho học sinh phổ thông

Nghiên cứu phát triển thể chất và thể thao cho giáo viên

Nghiên cứu thể chất của người cao tuổi



VÍ DỤ:

1. Günay Yıldız & Süleyman Munusturlar (2022) Differences in perceived physical literacy between teachers delivering physical education in schools: classroom teachers vs physical education teachers, *Physical Education and Sport Pedagogy*, 27:6, 626-639, DOI: [10.1080/17408989.2021.1932784](https://doi.org/10.1080/17408989.2021.1932784) (Sự khác biệt trong nhận thức kiến thức thể chất giữa giáo viên dạy thể dục và giáo viên dạy trên lớp)
2. Siu Ming Choi, Kim Wai Raymond Sum, Tristan L. Wallhead, Fung Lin Elean Leung, Sau Ching Amy Ha & Hui Ping Cindy Sit (2022) Operationalizing physical literacy through sport education in a university physical education program, *Physical Education and Sport Pedagogy*, 27:6, 591-607, DOI: [10.1080/17408989.2021.1915266](https://doi.org/10.1080/17408989.2021.1915266) (Vận hành kiến thức thể chất thông qua giáo dục thể thao trong chương trình giáo dục thể chất ở trường đại học)
3. Youngjoon Kim & Okseon Lee (2022) Exploring the phenomenological meanings of assessment in physical education through primary teachers' lived experiences, *Physical Education and Sport Pedagogy*, 27:6, 578-590, DOI: [10.1080/17408989.2021.1911983](https://doi.org/10.1080/17408989.2021.1911983) (Khám phá ý nghĩa hiện tượng học của đánh giá trong giáo dục thể chất thông qua kinh nghiệm sống của giáo viên tiểu học)

NGƯỜI LÀM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẦN CÓ: MÃ ĐỊNH DANH, CHỈ SỐ TRÍCH DẪN VÀ WEB CỦA NHÀ KHOA HỌC

Các loại mã định danh phổ biến hiện nay: Orcid; Scopus Author ID; [SciProfiles](#); Publons.

Người làm khoa học (nhà khoa học) cần có:

1) Mã định danh và phổ biến nhất hiện nay là **Orcid**

VD: <https://orcid.org/my-orcid?orcid=0000-0002-8260-6369>

2) Chỉ số trích dẫn: **h-index** và i10-index trên Google Scholar

VD:

<https://scholar.google.com/citations?user=nGENmnsAAAAJ&hl=vi>

3) Web cá nhân để lưu giữ dữ liệu liên quan

VD: <https://mysite.tnu.edu.vn/vi/chuhoangmau>

GOOGLE SCHOLAR

Google cung cấp dịch vụ **Google Scholar** dành cho những ai đang tìm kiếm những tài liệu mang tính học thuật như sách, các bài đánh giá, bình luận, luận án, luận văn,... đã được xuất bản trong nước và trên toàn thế giới.

Google Scholar giúp bạn dễ dàng tiếp cận các văn bản có độ chính xác cao về bất cứ lĩnh vực nào bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Do vậy, đây là nguồn tài liệu không thể thiếu trong quá trình nghiên cứu khoa học.

Google Scholar cho biết H-Index và i10-Index của một người làm khoa học.

H-Index

H-index (chỉ số H) do GS Hirsch ([UC San Diego](#)) đề xuất, 2005.

Chỉ số H phản ánh về hiệu quả đóng góp và sức ảnh hưởng của một nhà khoa học. Chỉ số H được tính toán dựa trên số bài báo và số lần trích dẫn.

Chỉ số H của một nhà khoa học có H bài báo và trong số các bài báo đó được trích dẫn ít nhất là H lần.

VÍ DỤ:

- 1) Một người công bố **50 bài báo**, trong đó **9 bài có nhiều hơn 10 trích dẫn**, **7 bài có 10** trích dẫn và **34 bài** còn lại có ít hơn **10 trích dẫn**, thì chỉ số **H của người này là 10**.
- 2) Một người có 46 bài báo, trong đó có 2 bài có số trích dẫn >3 và 2 bài có số trích dẫn là 2, thì **H-Index là 2**

VÍ DỤ

Professor in Genetics & Biotechnology, Ph.D.; School of Biology, TNU-University of Education, VN

Email được xác minh tại [tne.edu.vn](mailto:trung@tne.edu.vn) - [Trang chủ](#)

[Biology & Biotechnology](#) [Genomics](#) [Medicinal Plants](#)

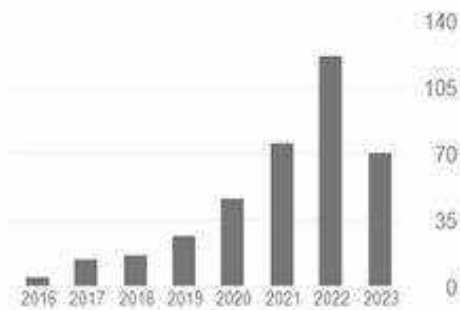
ĐANG THEO DÕI

TIÊU ĐỀ	TRÍCH DẪN BỞI	NĂM
<input type="checkbox"/> Overexpression of the GmDREB6 gene enhances proline accumulation and salt tolerance in genetically modified soybean plants MHC Quan Huu Nguyen, Lien Thi Kim Vu, Lan Thi Ngoc Nguyen, Nhan Thi Thanh ... Scientific Reports 9 (19663)	55	2019
<input type="checkbox"/> Cloning and overexpression of GmDREB2 gene from a vietnamese drought-resistant soybean variety DX Tan, HM Tuong, VTT Thuy, LV Son, GH Mau Brazilian Archives of Biology and Technology 58, 651-657	29	2015
<input type="checkbox"/> Complete chloroplast genome of novel <i>Adinandra megaphylla</i> Hu species: Molecular structure, comparative and phylogenetic analysis HQ Nguyen, TNL Nguyen, TN Doan, TTN Nguyen, MH Pham, TL Le, ... Scientific Reports 11 (1), 11731	28	2021

Trích dẫn bởi

XEM TẤT CẢ

	Tất cả	Từ 2018
Trích dẫn	426	359
h-index	11	11
i10-index	13	13



Đồng tác giả

CHỈNH SỬA

H-Index

Ưu điểm cơ bản của chỉ số H là việc tính đến sự cân bằng giữa số lượng và chất lượng các công trình của người làm nghiên cứu, và tính toán đơn giản, nên được sử dụng phổ biến.

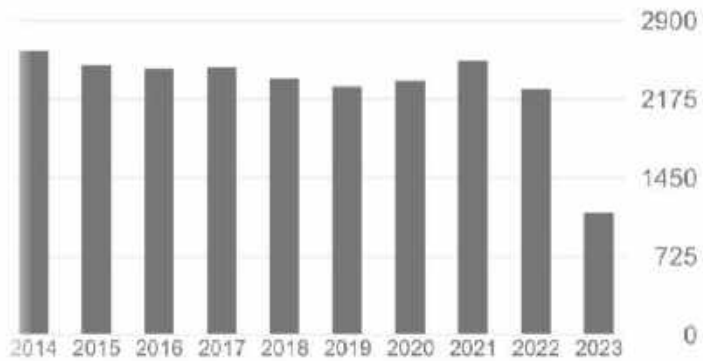
Lưu ý một số đặc điểm của chỉ số H:

- + Chỉ số H dựa trên chỉ số trích dẫn, và do đó chịu ảnh hưởng của toàn bộ những hạn chế của chỉ số trích dẫn.
- + Do sự khác biệt về chỉ số trích dẫn ở các ngành, chỉ số H có ý nghĩa hơn với những người thuộc cùng một ngành và khi so sánh những người khác ngành cần chú ý đến sự khác biệt này.
- + Khi tính tự động chỉ số H, độ chính xác và khả năng tìm hết thường không cao. Do sự trùng tên họ của người châu Á khá phổ biến, những chỉ số H được tính ra (nếu không kiểm chứng kỹ) thường cao hơn giá trị thật.
- + Chỉ số H đánh giá thành quả một nhà khoa học nhưng không phân biệt được sự đóng góp khác nhau của các tác giả trong một công trình. Chỉ số H không phân biệt được sự đóng góp của các tác giả

ARTICLES CITED BY PUBLIC ACCESS

All Since 2018

Citations	63864	12923
h-index	96	52
i10-index	196	119

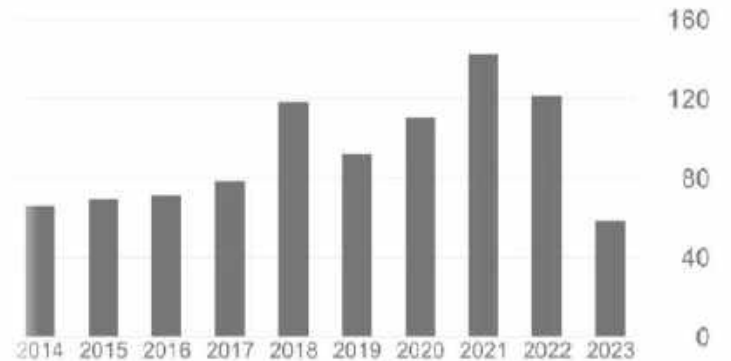


Help Privacy Terms

ARTICLES CITED BY PUBLIC ACCESS CO-AUTH

All Since 2018

Citations	1450	642
h-index	19	13
i10-index	27	16



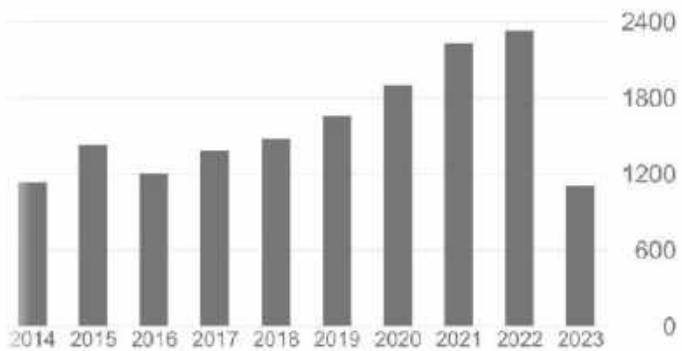
Help Privacy Terms

Algebraic Geometry

ARTICLES CITED BY PUBLIC ACCESS CO-AUTH

All Since 2018

Citations	23591	10698
h-index	59	37
i10-index	158	89



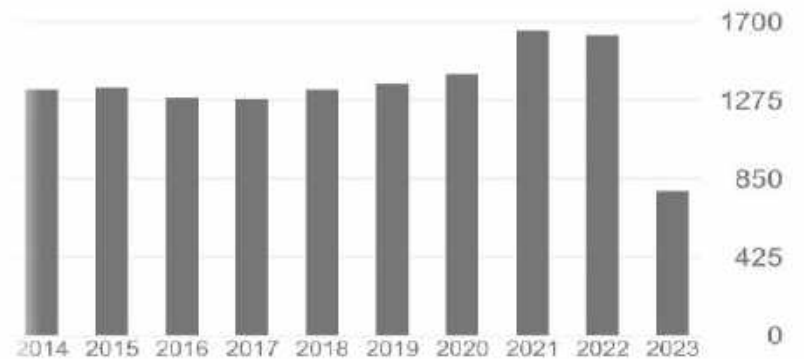
[Help](#) [Privacy](#) [Terms](#)

algebraic geometry

ARTICLES CITED BY PUBLIC ACCESS

All Since 2018

Citations	34592	8192
h-index	44	26
i10-index	78	41



[Help](#) [Privacy](#) [Terms](#)

H-Index

THEO DÕI

Thai Nguyen University of Education, Vietnam
Email được xác minh tại tnue.edu.vn - [Trang chủ](#)

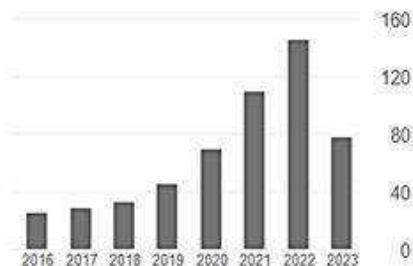
Functional surfaces surface modification anti-icing water harvesting

TIÊU ĐỀ	TRÍCH DẪN BỚT	NĂM
Optimal moth eye nanostructure array on transparent glass towards broadband antireflection S Ji, K Song, TB Nguyen, N Kim, H Lim ACS applied materials & interfaces 5 (21), 10731-10737	167	2013
Effects of morphology parameters on anti-icing performance in superhydrophobic surfaces TB Nguyen, S Park, H Lim Applied Surface Science 435, 585-591	116	2018
Simple fabrication approach for superhydrophobic and superoleophobic Al surface S Ji, PA Ramadhianti, TB Nguyen, W Kim, H Lim Microelectronic engineering 111, 404-408	75	2013
Moth-eye mimicking solid slippery glass surface with icephobicity, transparency, and self-healing G Han, TB Nguyen, S Park, Y Jung, J Lee, H Lim ACS nano 14 (8), 10198-10209	56	2020
Effects of hydrophobicity and lubricant characteristics on anti-icing performance of slippery lubricant-infused porous surfaces TB Nguyen, S Park, Y Jung, H Lim Journal of Industrial and Engineering Chemistry 69, 99-105	43	2019

Trích dẫn bởi

XEM TẤT CẢ

	Tất cả	Từ 2018
Trích dẫn	577	477
h-index	10	10
i10-index	11	11



Đồng tác giả



Vu Thi Hong Hanh
Department of Physics, Thai ngu... >



Chi Do Thuy
Department of Physics, Thai Ngu... >



Binh Xuan Cao
Korea Institute of Machinery and ... >

PHÂN BIỆT

- Chỉ số **H** là phản ánh mức độ ảnh hưởng, đóng góp cho khoa học, cho cộng đồng của cá nhân nhà khoa học.
- Impact Factor (**IF**), CiteScore (**CS**), SCImago Journal Rank (**SJR**) là phản ánh về mức độ ảnh hưởng của tạp chí.
- **Citescore Percentile**: Cơ sở xếp loại chất lượng của tạp chí (Q)
- **Q**: Phản ánh chất lượng của tạp chí theo các mức Q1, Q2, Q3, Q4

GỬI BÀI BÁO KHOA HỌC ĐẾN TẠP CHÍ

Để gửi bài báo khoa học đến tạp chí khoa học công nghệ cần có ít nhất 3 thứ:

Tim tạp chí: địa chỉ, hệ thống gửi bản thảo (Article Management System hoặc Editorial Manage)...

Đăng kí tác giả của tạp chí

Bản thảo bài báo (Manuscript): kiểm tra đạo văn, định dạng theo quy định của tạp chí

BÀI BÁO VÀ CÔNG BỐ

Tác giả bài báo

Cấu trúc và nội dung bài báo

Gửi bản thảo bài báo đến tạp chí

Trả lời phản biện từng điểm (Point-by-Point)

Tài chính cho xuất bản bài báo

Sửa bản Proof (Bản in thử) và Xuất bản

GỬI BẢN THẢO BÀI BÁO ĐẾN TẠP CHÍ

1. Xác định sự phù hợp với mục tiêu và các chủ đề của tạp chí

+ Nhà xuất bản quốc tế lớn: Taylor&Francis; Nature Springer, Elsevier, Wiley...

+ Tạp chí uy tín quốc gia

- ❑ Tên tạp chí, mục đích và chủ đề (Aims and scope).
- ❑ Căn cứ vào chất lượng nghiên cứu mà chọn tạp chí Q1, Q2, Q3...
- ❑ Kinh nghiệm: gửi từ TC cao sau mới đề tạp chất có chất lượng thấp hơn.

2. Kiểm tra đạo văn bằng phần mềm

- Quy ước chung tỷ lệ tương đồng <25% có thể chấp nhận (xanh)
- Thực tế khuyến cáo rằng nên <10% là tốt nhất.

3. Định dạng theo quy định của tạp chí

GỬI BẢN THẢO BÀI BÁO ĐẾN TẠP CHÍ

1. Đăng kí tác giả của tạp chí

Truy cập vào web

Đăng kí tác giả/phản biện:

Tạp chí cấp cho tác giả ID và tác giả đặt pas

2. Truy cập vào hệ thống Submit (Editorial Office)

Tác giả liên hệ (*Corespondings* -người chịu trách nhiệm chính) sẽ submit bản thảo theo hướng dẫn và yêu cầu của từng tạp chí.

3. Theo dõi trạng thái

Truy cập vào hệ thống Editorial Office để biết trạng thái (Hiện trạng bản thảo) đang ở khâu nào (Editor đánh giá, Under Review, Accepted...).

Một số trạng thái chính của bài báo cũng được tạp chí thông báo qua Email của tác giả liên hệ (Từ chối (Reject); Sửa chữa lớn/nhỏ (Major/Minor); Chấp nhận đăng (Accept) và xuất bản (Publish)

TRẢ LỜI TỪNG ĐIỂM NHẬN XÉT CỦA PHẢN BIỆN (POINT-BY-POINT)

Thông thường mỗi bản thảo có 2 phản biện. Căn cứ vào các ý kiến nhận xét mà Editor quyết định bản thảo bị (Từ chối (Reject) hay sửa chữa để xuất bản; Sửa chữa lớn/nhỏ (major/minor). Rất ít trường hợp được quyết định đồng ý chấp nhận đăng (Accept).

Khi được yêu cầu sửa chữa, tác giả/nhóm tác giả cần trả lời từng nhận xét cụ thể của mỗi phản biện (Point-by-Point).

Ví dụ: Một công bố của nhóm chúng tôi ngày 27/01/2023

“Analysis of the Chloroplast Genome of *Ficus simplicissima* Lour Collected in Vietnam and Proposed Barcodes for Identifying *Ficus* Plants” với 28 comments

-Nhóm tác giả đã trả lời từng nhận xét một, kết quả được 2 Reviewers và Editor chấp nhận xuất bản.

-Link 1: [..\..\..\001-A QUAN NH\001-Bài báo Quân sửa 14-82022\Point-by-point response to Reviewers.docx](#)

-Link 2: [..\..\..\0-VỮ THUY 2023\2023\Cover Letter&point-by-point Mẫu.docx](#)

TÀI CHÍNH CHO XUẤT BẢN BÀI BÁO

Về việc trả kinh phí hỗ trợ xuất bản, Tạp chí quốc tế có 3 loại:

1) Tạp chí không phải trả kinh phí (truyền thống):

2) Tạp chí hai lựa chọn (lai): Truyền thống hoặc Open Access (**Tạp chí lai**).

VD: - *Journal of Sports Sciences*

- Tạp chí Nature. The APC to publish Gold Open Access in *Nature* is €9,750 / \$11,690 / £8,490.

- *In Vitro Cellular & Developmental Biology - Plant* : Open Access
£2390.00/\$3590.00/€2790.00

3) Tạp chí Open Access: Trả kinh phí

VD: Scinetific Reports (Nature):

\$2390 (The Americas*, Greater China**, and Japan)

£1890 (United Kingdom)

€2090 (Europe & Rest of the World)

Tạp chí quốc gia gồm hai loại: Không mất phí và trả phí (1tr-1,5 tr)

TÀI CHÍNH CHO XUẤT BẢN BÀI BÁO

1. Tài chính xuất bản một bài báo gồm:

- 1) Kinh phí edit tiếng Anh: Với bài báo < 6000 từ khoảng 370-400 USD;
- 2) Kinh phí Open Access:

VD: Bài báo “Analysis of the Chloroplast Genome of *Ficus simplicissima* Lour Collected in Vietnam and Proposed Barcodes for Identifying *Ficus* Plants”

- Kinh phí chỉnh sửa TA: 9,250 000 VND
- Kinh phí xuất bản: 47,849484 VND
- Tổng kinh phí XB: 57,099 484 VND

2. Kinh phí nghiên cứu?

3. Tổng kinh phí nghiên cứu: khoảng 200-250 tr VND/bài báo.



SỬA BẢN PROOF (BẢN IN THỬ) VÀ XUẤT BẢN

Sau khi được chấp nhận xuất bản, NXB yêu cầu tác giả đọc lại bản in thử (Proof) theo yêu cầu. Đặc biệt NXB lưu ý họ tên tác giả, thứ tự các tác giả, cơ quan.

Sau khi đọc bản in thử và chỉnh sửa các lỗi kỹ thuật, tác giả gửi lại nhà xuất bản và chuyển giao bản quyền nội dung bài báo.

Trong vòng 1 tuần bài báo sẽ được xuất bản, có thể:

- Xuất bản online ([Online first articles](#)) chưa có số, trang.
- Xuất bản chỉnh thức: sau thời gian, có thể đến 1 năm, bài báo được gán số và trang.

Ví dụ: <https://link.springer.com/article/10.1007/s11627-021-10190-4>

NGƯỜI NGHIÊN CỨU TRẺ CẦN CÓ NHỮNG GÌ



Khát vọng- Tiếp cận dữ liệu lớn và đa văn hoá- Kỹ năng phân tích dữ liệu



Tiếp cận dữ liệu lớn và đa văn hóa



Quyết định

Vận dụng phù hợp



Thành công

ĐỀ XUẤT

- 1) Tham gia các nhóm nghiên cứu
- 2) Seminar

Thường xuyên seminar trong nhóm: i) Trước một câu hỏi nghiên cứu; ii) Tổ chức nghiên cứu; iii) Thảo luận kết quả;

3) Tổ chức xây dựng và viết bản thảo, lựa chọn tạp chí và gửi bản thảo đến tạp chí.

Nhóm là chìa khoá của sự thành công trong nghiên cứu khoa học, bao gồm cả khoa học thực nghiệm, khoa học Xã hội nhân văn và khoa học giáo dục.

Chúc các bạn Thành công.

THANK YOU

| **Q&A**

THAM KHẢO

1. Vũ Cao Đàm, *Giáo trình Phương luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo Dục, 2008, [thư viện trường Đại học Sư phạm – ĐH TN].
2. Lê Huy Hoàng, *Bài trình bày về hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học*
3. Nguyễn Văn Tuấn, *Đi vào nghiên cứu khoa học*, NXB tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2015, [Trung tâm học liệu Đại học Thái Nguyên].
4. Nguyễn Văn Tuấn (<http://hvcsnd.edu.vn/ngghien-cuu-trao-doi/the-nao-la-mot-bai-bao-khoa-hoc-4261>)
5. Vũ Duy Kiên (2021; <https://hoc.vuduykien.com/blog/hindex>)
6. Thái Văn Nam và Nguyễn Ngọc Duy (2022); <https://www.researchgate.net/publication/358618039> Chi số danh gia ảnh hưởng của công bố khoa học và việc tham gia các cơ sở dữ liệu khoa học trực tuyến)
7. Tài liệu, hình ảnh minh họa từ nguồn Internet